***Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt lớp 1 tuần 13***

**CHỦ ĐỀ 13: THĂM QUÊ**

**BÀI 1: AM ĂM ÂM(tiết 1-2, sách học sinh, trang 130-131)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề (và tranh chủ đề) gợi ra, sử dụng được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề *Thăm quê* (*quả cam, cá trắm, que kem, tấm nệm, con tôm, cây rơm,…*). Quan sát tranh khởi động, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa vần ***am, ăm, âm***(*quả cam, cảm ơn, cầm,…*).

**-** Nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của vần ***am, ăm, âm***. Đánh vần, ghép tiếng và hiểu nghĩa từ chứa vần có âm cuối “**m**”.Viết được các vần ***am, ăm, âm***và các tiếng, từ ngữ có các vần ***am, ăm, âm***.Đánh vần thầm, gia tăng tốc độ đọc trơn và hiểu nghĩa của các từ mở rộng; đọc được bài ứng dụng và hiểu nội dung của bài ứng dụng ở mức độ đơn giản.Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có vần được học có nội dung liên quan với bài học; biết nói lời cảm ơn;cùng bạn nói lời cảm ơn qua các hoạt động mở rộng.

**- Năng lực**: Hình thành năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo qua hoạt động đọc, viết.

**- Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Thẻ từ, chữ có các vần ***am, ăm, âm*** (*quả cam, cảm ơn, cầm,…*); bảng phụ ghi nội dung cần luyện đọc, tranh chủ đề; Video một số hoạt động có các sự vật, hoạt động có tên gọi chứa vần có âm cuối “***m***”; tranh chủ đề.

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở Tập viết, viết chì, bảng con, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  *\* Mục tiêu:* Học sinh trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề (và tranh chủ đề) gợi ra, sử dụng được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề *Thăm quê*. Quan sát tranh khởi động, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa vần ***am, ăm, âm***.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm đôi.  *\* Cách tiến hành:*  - Giáo viên tổ chức trò chơi “*Ai cần?*”. Quản trò hỏi: *Ai cần? Ai cần?, Các bạn trả lời:Tôi cần tôi cần. Cần gì? Cần gì?,* – *Cần bàn, cần khăn, cần cân*,….  - Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách, tìm đúng trang của bài học. | - Học sinh mở sách học sinh trang 130. |
| - Giáo viên giới thiệu tên chủ đề và chữ ghi tên chủ đề, yêu cầu học sinh nhận diện và đọc chữ mà học sinh đã học.  - Giáo viên yêu cầu học sinh trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề và tranh chủ đề gợi ra.  - Giáo viên yêu cầu học sinh nêu một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề *Thăm quê*.  - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh khởi động, nói về những sự vật có trong tranh liên quan đến ***am, ăm, âm***.  - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa vần ***am, ăm, âm****.*  - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa ***am, ăm, âm***).  - Giáo viên giới thiệu bài mới và viết bảng.  - Giáo viên nêu mục tiêu của bài học. | - Học sinh nghe giáo viên giới thiệu tên chủ đề và quan sát chữ ghi tên chủ đề.  - Học sinh trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề và tranh chủ đề gợi ra.  - Học sinh nêu được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề như *vườn cam, cây tràm, trâm bầu, đầm sen, đầm ấm, rơm rạ,…*  - Học sinh quan sát và nói: *bạn nhỏ, cảm ơn, ông bà, tràm, cây cam, nấm, chăm sóc,…*  - Học sinh nêu các tiếng tìm được: *cam, cảm, tràm, chăm, nấm.*  - Học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được có chứa ***am, ăm, âm***. Từ đó, học sinh phát hiện ra ***am, ăm, âm***.  - Học sinh lắng nghe giáo viên giới thiệu bài, mục tiêu và quan sát chữ ghi tên bài. |
| **2. Khám phá:**  *\* Mục tiêu:* Học sinh nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của vần ***am, ăm, âm***. Đánh vần, ghép tiếng và hiểu nghĩa từ chứa vần có âm cuối “**m**”.Viết được các vần ***am, ăm, âm***và các tiếng, từ ngữ có các vần ***am, ăm, âm***.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| ***a. Nhận diện vần mới:***  *a.1. Nhận diện vần****am****:*  - Giáo viên gắn thẻ chữ ***am*** lên bảng, yêu cầu học sinh quan sát và phân tích vần ***am***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc chữ ***am***.  *a.2. Nhận diện vần****ăm, âm****:*  Tiến hành tương tự như nhận diện vần ***am***.  *a.3.Tìm điểm giống nhau giữa các vần* ***am, ăm, âm*:**  - Giáo viên yêu cầu học sinh so sánh vần ***am, ăm, âm***.  ***b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng:***  - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát mô hình đánh vần tiếng *có vần kết thúc bằng “****m****”*.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích tiếng đại diện ***cam***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng theo mô hình tiếng ***cam***.  - Giáo viên yêu cầu học sinh đánh vần tiếng khác, ví dụ đánh vần tiếng ***nấm***.  ***c. Đánh vần tiếng khóa, đọc trơn từ khóa:***  *c.1. Đánh vần và đọc trơn từ khóa* ***quả cam****:*  - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh từ ***quả cam***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng khóa ***cam***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc trơn từ khóa ***quả cam***.  *c.2. Đánh vần và đọc trơn từ khóa* ***cá trắm, nấm mối****:*  Tiến hành tương tự như từ khóa ***quả cam***. | - Học sinh quan sát chữ ***am***in thường, in hoa, phân tích vần ***am***(âm ***a***đứng trước, âm ***m***đứng sau).  - Học sinh đọc chữ ***am***: *a-mờ-am*.  - Học sinh nêu điểm giống nhau giữa các vần ***am, ăm, âm***(đều có âm ***m***đứng cuối vần).  - Học sinh quan sát mô hình đánh vần tiếng *có vần kết thúc bằng “****m****”.*  - Học sinh phân tích tiếng ***cam*** gồm âm ***c***, vần ***am****.*  - Học sinhđánh vần tiếng theo mô hình: *cờ-am-cam.*  - Học sinhđánh vần: *nờ-âm-nâm-sắc-nấm*.  - Học sinh quan sát từ ***quả cam***phát hiện tiếng khóa ***cam***vần ***am*** trong tiếng khoá ***cam***.  - Học sinh đánh vần tiếng khóa: *cờ-am-cam*.  - Học sinh đọc trơn từ khóa: ***quả cam***. |
| **Nghỉ giữa tiết** | |
| ***d. Tập viết:***  *d.1. Viết vào bảng con****am, cam, ăm, cá trắm, âm, nấm****:*  *- Viết vần* ***am***:  Giáo viên viết và phân tích cấu tạo nét chữ của chữ ***am***. | - Học sinh quan sát cách giáo viên viết và phân tích cấu tạo nét chữ của vần ***am***(gồm chữ ***a***và chữ ***m***, chữ ***a***đứng trước, chữ ***m***đứng sau).  - Học sinh viết vần ***am***vào bảng con. |
| *- Viết từ* ***cam****:*  Giáo viên viết và phân tích cấu tạo của chữ ***cam***(chữ ***c***đứng trước, vần ***am***đứng sau).  *- Viết chữ* ***ăm, cá trắm, âm, nấm****:*  Tương tự như viết chữ ***am, cam***.  *d.2. Viết vào vở tập viết:*  - Giáo viên yêu cầu học sinh viết ***am, cam, ăm, cá trắm, âm, nấm***vào vở Tập viết.  - Giáo viên giúp đỡ học sinh yếu. | - Học sinh quan sát cách giáo viên viết chữ ***cam***.  - Học sinh viết chữ ***cam***vào bảng con.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.  - Học sinh viết ***am, cam, ăm, cá trắm, âm, nấm***.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có, tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình. |
| **TIẾT 2** | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn:**  *\* Mục tiêu:* Học sinh đánh vần thầm, gia tăng tốc độ đọc trơn và hiểu nghĩa của các từ mở rộng; đọc được bài ứng dụng và hiểu nội dung của bài ứng dụng ở mức độ đơn giản.Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có vần được học có nội dung liên quan với bài học.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:*  ***a. Nhận diện, đánh vần, đọc trơn và hiểu nghĩa các từ mở rộng:*** |  |
| - Giáo viên treo các tranh, hướng dẫn học sinh tìm từ có tiếng chứa vần ***am, ăm, âm*** theo chiều kim đồng hồ.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa vần ***am, ăm, âm***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm nghĩa của các từ mở rộng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh nói câu có chứa từ ngữ *rau sam*hoặc *tăm tre, con tằm, thổ cẩm*.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm thêm vần ***am, ăm, âm*** bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh nêu một số từ ngữ có tiếng chứa vần ***am, ăm, âm***và đặt câu (đơn giản). | - Học sinh quan sát tranh, tìm từ có tiếng chứa vần ***am, ăm, âm***(*rau sam, tăm tre, con tằm, thổ cẩm*).  - Học sinh đánh vần và đọc trơn các từ: *rau sam, tăm tre, con tằm, thổ cẩm*.  - Học sinh thảo luận, tìm nghĩa của các từ mở rộng: *rau sam, tăm tre, con tằm, thổ cẩm*.  - Học sinh nói trong nhóm, vài học sinh nói trước lớp.  - Học sinh tìm thêm vần ***am, ăm, âm***bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh.  - Học sinh nêu, ví dụ:*âm nhạc, bút chì bấm, chấm, hộp cắm bút, …* và đặt câu (đơn giản). |
| ***b. Đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng:***  - Giáo viên đọc mẫu bài đọc ứng dụng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu nghĩa của bài đọc ứng dụng: *Nghỉ hè, Nam đi đâu? Ông dẫn Nam đi đâu? Nam cảm thấy như thế nào?* | - Học sinh nghe giáo viên đọc mẫu.  - Học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc.  - Học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc ứng dụng.  - Học sinh hiểu được nghĩa của bài đọc ứng dụng. |
| ***Nghỉ giữa tiết*** | |
| **4. Hoạt động mở rộng :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh biết cùng bạn cùng bạn nói lời cảm ơn.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm, trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc câu lệnh.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh, hỏi gợi mở nội dung tranh: *Tranh vẽ những ai? Họ đang làm gì?*  - Giáo viên hướng dẫn học sinh xác định yêu cầu của hoạt động mở rộng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh qua các câu hỏi gợi ý: *Cảm ơn những ai? Cảm ơn khi nào? Cảm ơn như thế nào?*  - Giáo viên lưu ý học sinh về tư thế, khoảng cách, ánh mắt, gương mặt, cử chỉ, điệu bộ khi cảm ơn. | - Học sinh đọc câu **lệnh: *Nói lời cảm ơn*.**  - Học sinh quan sát tranh và phát hiện được nội dung tranh.  - Học sinh xác định yêu cầu của hoạt động mở rộng: cùng bạn nói lời cảm ơn.  - Học sinh cùng bạn thực hành nói lời cảm ơn (nhóm, trước lớp); nêu việc vận dụng bài tập cảm ơn khi về nhà, khi tham gia các hoạt động. |
| **5 Hoạt động nối tiếp (3-5 phút):**  - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận diện lại tiếng, từ ngữ có *am, ăm, âm*.  Giáo viên dặn học sinh. | - Học sinh nhận diện lại tiếng, từ ngữ có *am, ăm, âm*; nắm lại nội dung bài ở giờ tự học.  - Học sinh chuẩn bị cho tiết học sau (*em, êm*). |

***Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt lớp 1tuần 13***

**CHỦ ĐỀ 13: THĂM QUÊ**

**BÀI 2: EM ÊM (tiết 3-4, sách học sinh, trang 132-133)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Quan sát tranh khởi động, trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa vần ***em, êm****(ghép hình, tấm nệm, têm trầu, thềm nhà, giỏ đệm, xâu nem)*.

**-** Nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của vần ***em, êm***. Đánh vần, ghép tiếng và hiểu nghĩa từ chứa vần có âm cuối “**m**”.Viết được các vần ***em, êm***và các tiếng, từ ngữ có các vần ***em, êm***.Đánh vần thầm, gia tăng tốc độ đọc trơn và hiểu nghĩa của các từ mở rộng; đọc được bài ứng dụng và hiểu nội dung của bài ứng dụng ở mức độ đơn giản.Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có vần được học có nội dung liên quan với bài học;cùng bạn chơi trò chơi nói nối đuôi từ ngữ chỉ tên gọi các sự vậtthông qua các hoạt động mở rộng.

**- Năng lực**: Hình thành năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo qua hoạt động đọc, viết.

**- Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Thẻ chữ ***em, êm***(in thường, in hoa, viết thường); một số tranh ảnh minh hoạ kèm theo thẻ từ (*ghép hình, tấm nệm, têm trầu, thềm nhà, giỏ đệm, xâu nem*) tranh chủ đề; bảng phụ.

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở Tập viết, viết chì, bảng con, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh quan sát tranh khởi động, trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa vần ***em, êm***.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm đôi.  *\* Cách tiến hành:*  - Giáo viên tổ chức trò chơi “*Tiếp sức cùng bạn*”. Giáo viên yêu cầu học sinhđọc, viết, tìm tiếng chứa vần *am, ăm, âm*; trả lời một vài câu hỏi về nội dung bài đọc ở vần *am, ăm, âm*.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách, tìm đúng trang của bài học. | - Học sinh mở sách học sinh trang 132. |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa ***em, êm****.*  - Giáo viên yêu cầu học sinh nêu các tiếng tìm được có ***em, êm***.  - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa ***em, êm***).  - Giáo viên giới thiệu bài mới và viết bảng.  - Giáo viên nêu mục tiêu của bài học. | - Học sinh quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa ***em, êm***như:*ghép hình,tấm nệm,têm trầu,giỏ đệm,xâu nem.*  - Học sinh nêu: *nem, đệm, nệm, têm, thềm*.  - Học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được có chứa ***em, êm***. Từ đó, học sinh phát hiện ra ***em, êm***.  - Học sinh lắng nghe giáo viên giới thiệu bài, mục tiêu và quan sát chữ ghi tên bài. |
| **2. Khám phá:**  *\* Mục tiêu:* Học sinh nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của vần ***em, êm***. Đánh vần, ghép tiếng và hiểu nghĩa từ chứa vần có âm cuối “**m**”.Viết được các vần ***em, êm***và các tiếng, từ ngữ có các vần ***em, êm***.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| ***a. Nhận diện vần mới:***  *a.1. Nhận diện vần****em****:*  - Giáo viên gắn thẻ chữ ***em***lên bảng.  - Giáo viên giới thiệu chữ ***em***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc chữ ***em***.  *a.2. Nhận diện vần****êm****:*  Tiến hành tương tự như nhận diện vần ***em***.  *a.3.Tìm điểm giống nhau giữa các vần* ***em, êm***:  - Giáo viên hướng dẫn học sinh so sánh các vần ***em, êm***.  ***b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng:***  - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát mô hình đánh vần tiếng có vần kết thúc bằng “**m**”.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích tiếng đại diện:***nem***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng ***nem***theo mô hình*.*  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng ***têm***.  ***c. Đánh vần tiếng khóa, đọc trơn từ khóa:***  *c.1. Đánh vần và đọc trơn từ khóa* ***nem chua****:*  - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh từ ***nem chua****.*  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng khóa ***nem***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc trơn từ khóa ***nem chua***.  *c.2. Đánh vần và đọc trơn từ khóa* ***tấm nệm****:*  Tiến hành tương tự như từ khóa ***nem chua***. | - Học sinh quan sát, phân tích vần ***em***: âm ***e***đứng trước, âm ***m***đứng sau.  - Học sinh đọc chữ ***em***: *e-mờ-em*.  - Học sinh nêu điểm giống nhau giữa các vần ***em, êm***: đều có âm ***m***đứng cuối vần.  - Học sinh quan sát mô hình đánh vần tiếng có vần kết thúc bằng “**m**”.  - Học sinh phân tích***nem***:gồm âm ***n***, vần ***em***.  - Học sinh đánh vần: *nờ-em-nem.*  - Học sinh đánh vần: *tờ-êm-têm*  - Học sinh quan sát từ ***nem chua***phát hiện tiếng khoá ***nem****,* vần ***em***trong tiếng khoá ***nem***.  - Học sinh đánh vần: *nờ-em-nem*.  - Học sinh đọc trơn từ khóa***nem chua***. |
| **Nghỉ giữa tiết** | |
| ***d. Tập viết:***  *d.1. Viết vào bảng con****em, nem chua, êm, tấm nệm****:*  *- Viết vần* ***em***:  Giáo viên viết và phân tích cấu tạo của vần ***em***: gồm chữ ***e***và chữ ***m***, chữ ***e***đứng trước, chữ ***m***đứng sau. | - Học sinh quan sát cách giáo viên viết và phân tích cấu tạo của vần ***em***.  - Học sinh viết vần ***em*** vào bảng con.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình, của bạn; sửa lỗi nếu có. |
| *- Viết từ* ***nem chua****:*  Giáo viên viết và phân tích cấu tạo của từ ***nem***(chữ *n*đứng trước, vần *em*đứng sau).  *- Viết* ***êm, tấm nệm***:  Tiến hành tương tự như viết ***em, nem chua***.  *d.2. Viết vào vở tập viết:*  - Giáo viên yêu cầu học sinh viết ***em, nem chua, êm, tấm nệm*** vào vở Tập viết.  - Giáo viên giúp đỡ học sinh yếu. | - Học sinh quan sát cách giáo viên viết từ ***nem***.  - Học sinh viết từ ***nem chua***vào bảng con; nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.  - Học sinh viết ***em, nem chua, êm, tấm nệm***.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có, tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình. |
| **TIẾT 2** | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh đánh vần thầm, gia tăng tốc độ đọc trơn và hiểu nghĩa của các từ mở rộng; đọc được bài ứng dụng và hiểu nội dung của bài ứng dụng ở mức độ đơn giản.Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có vần được học có nội dung liên quan với bài học.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:*  ***a. Nhận diện, đánh vần, đọc trơn và hiểu nghĩa các từ mở rộng:*** |  |
| - Giáo viên treo các tranh, hướng dẫn học sinh tìm từ có tiếng chứa vần ***em, êm***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa vần ***em, êm***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm nghĩa của các từ mở rộng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh nói câu có chứa từ ngữ *que kem têm trầu, con tem, mắm nêm*.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm thêm vần ***em, êm***bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh nêu một số từ ngữ có tiếng chứa vần ***em, êm***và đặt câu chứa từ vừa tìm. | - Học sinh quan sát tranh, tìm từ có tiếng chứa vần ***em, êm***(*que kem, têm trầu, con tem, mắm nêm*).  - Học sinh đánh vần và đọc trơn các từ: *que kem, têm trầu, con tem, mắm nêm.*  - Học sinh thảo luận, tìm nghĩa của các từ mở rộng: *que kem, têm trầu, con tem, mắm nêm*.  - Học sinh nói trong nhóm, vài học sinh nói trước lớp.  - Học sinh tìm thêm vần ***em, êm***bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh.  - Học sinh nêu, ví dụ: *rèm cửa, ném, thềm cửa,…* và đặt câu chứa từ vừa tìm. |
| ***b. Đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng:***  - Giáo viên đọc mẫu bài đọc ứng dụng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc ứng dụng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu nội dung của bài đọc: *Con theo nội đi đâu?Bà nội mua gì?Mọi người gặp nhau như thế nào*? | - Học sinh nghe giáo viên đọc mẫu.  - Học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc.  - Học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc ứng dụng.  - Học sinh tìm hiểu nội dung của bài đọc ứng dụng. |
| ***Nghỉ giữa tiết*** | |
| **4. Hoạt động mở rộng :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh biết cùng bạn chơi trò chơi nói nối đuôi từ ngữ chỉ tên gọi các sự vật.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm, trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc câu lệnh.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh.  - Giáo viên đặt câu hỏi gợi ý tìm hiểu nội dung: *Tranh vẽ những ai? Họ đang làm gì?*  - Giáo viên hướng dẫn học sinh xác định yêu cầu của hoạt động mở rộng.  - Giáo viên hướng dẫn cách chơi: Học sinh 1 nói từ hoặc cụm từ có hai tiếng trở lên, học sinh 2 nói nối đuôi có từ, cụm từ bắt đầu bằng tiếng cuối của cụm từ mà học sinh 1 đã nói, cứ như thế cho đến hết.  - Giáo viên nhận xét, khuyến khích theo số lượt nói. | - Học sinh đọc câu lệnh.  - Học sinh quan sát tranh.  - Học sinh trả lời các câu hỏi của giáo viên và phát hiện được nội dung tranh.  - Học sinh xác định yêu cầu của hoạt động mở rộng: cùng bạn chơi trò chơi nói nối đuôi từ ngữ chỉ tên gọi các sự vật.  - Học sinh nêu từ ngữ chỉ vật gần gũi, quen thuộc chỉ vật, việc, hoạt động thường thấy ở quê, từ ngữ có tiếng chứa vần có m là âm cuối có thể chỉ xuất hiện ở từ ngữ đầu tiên, ví dụ: *chăm làm*  làm ruộng  *ruộng lúa*  *..*.; *chim sáo* sáo nâu  nâu đỏ  *…*). |
| **5. Hoạt động nối tiếp :**  - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận diện lại tiếng, từ có *em, êm*.  Giáo viên dặn học sinh. | - Học sinh nhận diện lại tiếng, từ có *em, êm*; nắm lại nội dung bài ở giờ tự học.  - Học sinh chuẩn bị sau ( bài *om, ôm*, *ơm*). |

***Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt lớp 1tuần 13***

**CHỦ ĐỀ 13: THĂM QUÊ**

**BÀI 3: OM ÔM ƠM (tiết 5-6, sách học sinh, trang 134-135)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Quan sát tranh khởi động, trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa vần ***om, ôm, ơm*** (*thôn xóm, lom khom, khóm, ôm, cây rơm*).

**-** Nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của vần ***om, ôm, ơm***. Đánh vần, ghép tiếng và hiểu nghĩa từ chứa vần có âm cuối “**m**”.Viết được các vần ***om, ôm, ơm*** và các tiếng, từ ngữ có các vần ***om, ôm, ơm***.Đánh vần thầm, gia tăng tốc độ đọc trơn và hiểu nghĩa của các từ mở rộng; đọc được bài ứng dụng và hiểu nội dung của bài ứng dụng ở mức độ đơn giản.Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có vần được học có nội dung liên quan với bài học;cùng bạn hát, múa, đọc thơ có nội dung về người, vật, việc thường thấy ở làng quêthông qua các hoạt động mở rộng.

**- Năng lực**: Hình thành năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo qua hoạt động đọc, viết.

**- Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Thẻ chữ ***om, ôm, ơm*** (in thường, in hoa, viết thường); một số tranh ảnh minh hoạ kèm theo thẻ từ (*thôn xóm, lom khom, khóm, ôm, cây rơm*); tranh chủ đề; bảng phụ.

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở Tập viết, viết chì, bảng con, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh quan sát tranh khởi động, trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa vần ***om, ôm, ơm***.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:*  - Giáo viên tổ chức trò chơi “*Gà con giúp mẹ*”. Giáo viên yêu cầu học sinhđọc, viết, tìm tiếng chứa vần *em, êm*(*nem chua, tấm nệm, têm trầu, mắm nêm, con vẹm, rèm*).  - Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách, tìm đúng trang của bài học. | - Học sinh mở sách học sinh trang 134. |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có vần***om, ôm, ơm****.*  - Giáo viên yêu cầu học sinh nêu các tiếng có vần***om, ôm, ơm***đã tìm được.  - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa vần***om, ôm, ơm***).  - Giáo viên giới thiệu bài mới và viết bảng.  - Giáo viên nêu mục tiêu của bài học. | - Học sinh quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa vần ***om, ôm, ơm***như: *thôn xóm, lom khom, khóm, ôm, cây rơm.*  - Học sinh nêu các tiếng có vần ***om, ôm, ơm***đã tìm được: *xóm, lom khom, ôm, rơm, thơm.*  - Học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được có chứa vần***om, ôm, ơm***. Từ đó, học sinh phát hiện ra ***om, ôm, ơm***.  - Học sinh lắng nghe giáo viên giới thiệu bài, mục tiêu và quan sát chữ ghi tên bài. |
| **2.Khám phá:**  *\* Mục tiêu:* Học sinh nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của vần ***om, ôm, ơm***. Đánh vần, ghép tiếng và hiểu nghĩa từ chứa vần có âm cuối “**m**”.Viết được các vần ***om, ôm, ơm*** và các tiếng, từ ngữ có các vần ***om, ôm, ơm***.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| ***a. Nhận diện vần mới:***  *a.1. Nhận diện vần****om****:*  - Giáo viên dùng hình ảnh, thẻ từ có vần ***om****.*  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vầnvần ***om***.  *a.2. Nhận diện vần****ôm, ơm****:*  Tiến hành tương tự như vần ***om***.  *a.3.Tìm điểm giống nhau giữa các vần* ***om, ôm, ơm***:  - Giáo viên hướng dẫn học sinhso sánh các vần ***om, ôm, ơm***.  ***b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng:***  - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát mô hình đánh vần tiếng vần kết thúc bằng “**m**”.  - Giáo viên hướng dẫn học sinhphân tích tiếng đại diện ***đóm***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinhđánh vần tiếng “***đóm***” theo mô hình*.*  - Giáo viên hướng dẫn học sinhđánh vần thêm tiếng khác, ví dụ:***thơm***.  ***c. Đánh vần tiếng khóa, đọc trơn từ khóa;***  *c.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá* ***đom đóm****:*  - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh từ ***đom đóm****.*  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng khóa ***đóm***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc trơn từ khóa ***đom đóm***.  *c.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá* ***con tôm, cây rơm****:*  Tiến hành tương tự như từ khóa ***đom đóm***. | - Học sinh quan sát vàphát phân tích vần ***om***: gồm âm **o** đứng trước và âm **m** đứng sau.  - Học sinh đọc *vần* ***om****: o-mờ-om.*  - Học sinhnêu điểm giống nhau giữa các vần ***om, ôm, ơm***(đều có âm ***m***đứng cuối vần).  - Học sinh quan sát mô hình đánh vần tiếng vần kết thúc bằng “**m**”.  - Học sinh quan sát, phân tích tiếng ***đóm***(âm ***đ***và vần ***om****, thanh sắc*).  - Học sinh đánh vần: *đờ-om-đom-sắc-đóm*.  - Học sinh đánh vần: *thờ-ơm-thơm*.  - Học sinh xem tranh ***đom đóm***, phát hiện tiếng khóa ***đóm***và vần ***om*** trong tiếng khóa ***đóm***.  - Học sinh đánh vần: *đờ-om-đom-sắc-đóm.*  - Học sinh đọc: ***đom đóm****.* |
| **Nghỉ giữa tiết** | |
| ***d. Tập viết:***  *d.1. Viết vào bảng con****om, đom đóm, ôm, tôm, ơm, rơm***:  *- Viết vần****om***:  Giáo viên viết và phân tích cấu tạo của vần***om***(chữ *o*đứng trước, *m*đứng sau). | - Học sinh quan sát cách giáo viên viết và phân tích cấu tạo của vần***om***.  - Học sinhdùng ngón trỏ viết vần***om*** lên không khí, lên mặt bàn.  - Học sinh viết chữ ***om*** vào bảng con.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình, của bạn; sửa lỗi nếu có. |
| *- Viết từ****đom đóm****:*  Giáo viên viết và phân tích cấu tạo của chữ ***đóm***(chữ ***đ***đứng trước, vần ***om***đứng sau, dấu ghi *thanh sắc* đặt trên chữ ***o***).  *- Viết* ***ôm, tôm, ơm, rơm***:  Tiến hành tương tự như viết ***om, đom đóm.***  *d.2. Viết vào vở tập viết:*  - Giáo viên yêu cầu học sinh viết ***om, đom đóm, ôm, tôm, ơm, rơm*** vào vở Tập viết.  - Giáo viên giúp đỡ học sinh yếu. | - Học sinh quan sát cách giáo viên viết chữ ***đóm***.  - Học sinh viết từ***đom đóm*** vào bảng con.  - Học sinh viết ***om, đom đóm, ôm, tôm, ơm, rơm***.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có, tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình. |
| **TIẾT 2** | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh đánh vần thầm, gia tăng tốc độ đọc trơn và hiểu nghĩa của các từ mở rộng; đọc được bài ứng dụng và hiểu nội dung của bài ứng dụng ở mức độ đơn giản.Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có vần được học có nội dung liên quan với bài học.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:*  ***a. Nhận diện, đánh vần, đọc trơn, hiểu nghĩa các từ mở rộng:*** |  |
| - Giáo viên treo các tranh, hướng dẫn học sinh tìm từ có tiếng chứa ***om, ôm, ơm***.  - Giáo viênhướng dẫn học sinh đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa ***om, ôm, ơm***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm nghĩa của các từ mở rộng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh nói câu có chứa từ ngữ *lom khom*hoặc *nấu cơm, vàng rộm*.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm thêm vần ***om, ôm, ơm***bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh nêu một số từ ngữ có tiếng chứa vần ***om, ôm, ơm***và đặt câu. | - Học sinh quan sát tranh, tìm từ có tiếng chứa ***om, ôm, ơm***(*lom khom, nấu cơm, vàng rộm*).  - Học sinhđánh vần và đọc trơn các từ: *lom khom, nấu cơm, vàng rộm.*  - Học sinh thảo luận, tìm nghĩa của các từ mở rộng:*lom khom, nấu cơm, vàng rộm*.  - Học sinh nói trong nhóm, vài học sinh nói trước lớp.  - Học sinh tìm thêm vần ***om, ôm, ơm***bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh.  - Học sinh nêu, ví dụ: *bảng nhóm, khóm hoa, bánh cốm, sáng sớm,…* và đặt câu. |
| ***b. Đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng:***  - Giáo viên đọc mẫu bài đọc ứng dụng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng đoạn ứng dụng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu nghĩa của đoạn ứng dụng: *Cho biết tên của bài đọc trên.Quê bạn nhỏ nằm ở đâu?Bạn nhỏ ngửi thấy những mùi thơm gì?Những mùi vị đó được ví như mùi vị gì?* | - Học sinh nghe giáo viên đọc mẫu.  - Học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài ứng dụng.  - Học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng đoạn ứng dụng.  - Học sinh trả lờivà hiểu được nghĩa của đoạn ứng dụng. |
| ***Nghỉ giữa tiết*** | |
| **4. Hoạt động mở rộng :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh cùng bạn hát, múa, đọc thơ có nội dung về người, vật, việc thường thấy ở làng quê.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm, trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc câu lệnh.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh, đặt câu hỏi để gợi ý nội dung tranh: *Tranh vẽ những ai? Họ đang làm gì?*  - Giáo viên hướng dẫn học sinhxác định yêu cầu của hoạt động mở rộng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinhđọc bài vè về tôm cá, chim chóc, muông thú đã ghi sẵn trên bảng phụ. | - Học sinh đọc câu lệnh.  - Học sinh quan sát tranh và trả lời các câu hỏi của giáo viên và phát hiện được nội dung tranh.  - Học sinh xác định yêu cầu của hoạt động mở rộng: cùng bạn hát, múa, đọc thơ có nội dung về người, vật, việc thường thấy ở làng quê.  - Học sinh cùng bạn hát, múa, đọc thơ, đọc bài vè có nội dung về người, vật, việc thường thấy ở làng quê (nhóm, trước lớp). |
| **5. Hoạt động nối tiếp :**  - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận diện lại *om, ôm, ơm*.  Giáo viên dặn học sinh. | - Học sinh nhận diện lại tiếng, từ có *om, ôm, ơm*; nắm lại nội dung bài ở giờ tự học.  - Học sinh chuẩn bị bài: *im, um*. |

***Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt lớp 1tuần 13***

**CHỦ ĐỀ 13: THĂM QUÊ**

**BÀI 4: IM UM (tiết 7-8, sách học sinh, trang 136-137)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Quan sát tranh khởi động, trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa vần ***im, um*** (*chơi trốn tìm, lim dim ngủ, chim bồ câu, chùm khế*).

**-** Nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của vần ***im, um***. Đánh vần, ghép tiếng và hiểu nghĩa từ chứa vần có âm cuối “**m**”.Viết được các vần ***im, um*** và các tiếng, từ ngữ có các vần ***im, um***.Đánh vần thầm, gia tăng tốc độ đọc trơn và hiểu nghĩa của các từ mở rộng; đọc được bài ứng dụng và hiểu nội dung của bài ứng dụng ở mức độ đơn giản.Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có vần được học có nội dung liên quan với bài học;giới thiệu về vật, việc ở quê hoặc nơi em sống với bạnthông qua các hoạt động mở rộng.

**- Năng lực**: Hình thành năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo qua hoạt động đọc, viết.

**- Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Thẻ chữ ***im, um*** (in thường, in hoa, viết thường); một số tranh ảnh minh hoạ kèm theo thẻ từ (*chơi trốn tìm, lim dim ngủ, chim bồ câu, chùm khế*); tranh chủ đề; bảng phụ.

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở Tập viết, viết chì, bảng con, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh quan sát tranh khởi động, trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi có tiếng chứa vần ***im, um***.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:*  - Giáo viên tổ chức trò chơi “*Truyền điện*”. Giáo viên yêu cầu học sinh đọc, viết, tìm tiếng chứa vần *om, ôm, ơm*; trả lời một vài câu hỏi về nội dung bài đọc ở vần *om, ôm, ơm*.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách, tìm đúng trang của bài học. | - Học sinh mở sách học sinh trang 136. |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa ***im, um****.*  - Giáo viên yêu cầu học sinh nêu các tiếng tìm được có ***im, um***.  - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa ***im, um***).  - Giáo viên giới thiệu bài mới và viết bảng.  - Giáo viên nêu mục tiêu của bài học. | - Học sinh quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa ***im, um*** như: *chơi trốn tìm, lim dim ngủ, chim bồ câu, chùm khế.*  - Học sinh nêu: *tìm, lim dim, chim, chùm.*  - Học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được có chứa ***im, um***. Từ đó, học sinh phát hiện ra ***im, um***.  - Học sinh lắng nghe giáo viên giới thiệu bài, mục tiêu và quan sát chữ ghi tên bài. |
| **2.Khám phá:**  *\* Mục tiêu:* Học sinh nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của vần ***im, um***. Đánh vần, ghép tiếng và hiểu nghĩa từ chứa vần có âm cuối “**m**”.Viết được các vần ***im, um*** và các tiếng, từ ngữ có các vần ***im, um***.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| ***a. Nhận diện vần mới:***  *a.1. Nhận diện vần* ***im****:*  - Giáo viên gắn thẻ chữ ***im*** lên bảng, yêu cầu học sinh quan sát và phân tích vần ***im***  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần:***im***.  *a.2. Nhận diện vần* ***um****:*  Tiến hành tương tự như vần ***im***.  *a.3. Tìm điểm giống nhau giữa các vần* ***im, um:***  - Giáo viên hướng dẫn học sinhso sánh các vần ***im, um****.*  ***b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng:***  - Giáo viên hướng dẫn học sinhquan sát mô hình đánh vần tiếng có vần kết thúc bằng “**m**”.  - Giáo viên hướng dẫn học sinhphân tích tiếng đại diện ***chim***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinhđánh vần tiếng theo mô hình tiếng ***chim***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinhđánh vần thêm tiếng khác, ví dụ tiếng***chùm***.  ***c. Đánh vần tiếng khóa, đọc trơn từ khóa:***  *c.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá* ***chim sáo****:*  - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh từ ***chim sáo****.*  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng khóa ***chim***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc trơn từ khóa ***chim sáo***.  *c.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá* ***chùm khế****:*  Tiến hành tương tự như từ khóa ***chim sáo***. | - Học sinh quan sát và phân tích vần ***im***: âm ***i***đứng trước, âm ***m***đứng sau.  - Học sinh đọc ***im***: *i-mờ-im*.  - Học sinhvừa đọc vừa dùng ngón trỏ tô theo chữ trong sách học sinh.  - Học sinh nêu điểm giống nhau giữa các vần ***im, um*** (đều có âm ***m***đứng cuối vần).  - Học sinh quan sát mô hình đánh vần tiếng có vần kết thúc bằng “**m**”.  - Học sinh phân tích tiếng ***chim***(gồm âm ***ch***, vần ***im***).  - Học sinh đánh vần: *chờ-im-chim.*  - Học sinh đánh vần: *chờ-um-chum-huyền-chùm*.  - Học sinh quan sát từ ***chim sáo***phát hiện tiếng khóa ***chim*** và vần ***im***trong tiếng***chim***.  - Học sinh đánh vần: *chờ-im-chim.*  - Học sinh đọc trơn từ khóa***chim sáo***. |
| **Nghỉ giữa tiết** | |
| ***d. Tập viết:***  *d.1. Viết vào bảng con****im, chim sáo, um, chùm khế****:*  *- Viết vần* ***im***:  Giáo viên viết và phân tích cấu tạo nét chữ của vần ***im***. | - Học sinh quan sát cách giáo viên viết và phân tích cấu tạo nét chữ của vần ***im***: chữ ***i***đứng trước, ***m***đứng sau.  - Học sinh viết ***im*** vào bảng con. |
| *- Viết từ* ***chim sáo****:*  Giáo viên viết và phân tích cấu tạo của chữ ***chim***(chữ ***ch***đứng trước, vần ***im***đứng sau).    *- Viết****um, chùm khế****:*  Tiến hành tương tự như viết ***im, chim sáo***.  *d.2. Viết vào vở tập viết:*  - Giáo viên yêu cầu học sinh viết ***im, chim sáo, um, chùm khế***vào vở Tập viết.  - Giáo viên giúp đỡ học sinh yếu. | - Học sinh quan sát cách giáo viên viết chữ ***chim***.  - Học sinh viết từ ***chim sáo*** vào bảng con.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.  - Học sinh viết ***im, chim sáo, um, chùm khế***.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có, tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình. |
| **TIẾT 2** | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh đánh vần thầm, gia tăng tốc độ đọc trơn và hiểu nghĩa của các từ mở rộng; đọc được bài ứng dụng và hiểu nội dung của bài ứng dụng ở mức độ đơn giản.Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có vần được học có nội dung liên quan với bài học.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:*  ***a. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng:*** |  |
| - Giáo viên treo các tranh, hướng dẫn học sinh tìm từ có tiếng chứa ***im, um***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa ***im, um***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm nghĩa của các từ mở rộng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh nói câu có chứa từ ngữ *quả sim*hoặc *tôm hùm, bìm bìm, cái chum*.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm thêm chữ ***im, um***bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh nêu một số từ ngữ có tiếng chứa ***im, um***và đặt câu (mức độ đơn giản). | - Học sinh quan sát tranh, tìm từ có tiếng chứa ***im, um***(*quả sim, tôm hùm, bìm bìm, cái chum*).  - Học sinh đánh vần và đọc trơn các từ: *quả sim, tôm hùm, bìm bìm, cái chum.*  - Học sinh thảo luận, tìm nghĩa của các từ mở rộng: *quả sim, tôm hùm, bìm bìm, cái chum.*  - Học sinh nói trong nhóm, vài học sinh nói trước lớp.  - Học sinh tìm thêm ***im, um***bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh.  - Học sinh nêu, ví dụ: *im lặng, con tim, chim sâu, chùm nho,*… và đặt câu. |
| ***b. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng:***  - Giáo viên đọc mẫu bài đọc ứng dụng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng: *Không gian ở quê như thế nào?Khi chơi trốn tìm, các bạn nhỏ có thể trốn ở những chỗ nào?* | - Học sinh nghe giáo viên đọc mẫu.  - Học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc.  - Học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng.  - Học sinh tìm hiểu nghĩa của bài đọc ứng dụng. |
| ***Nghỉ giữa tiết*** | |
| **4. Hoạt động mở rộng :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh biết chia sẻ với bạn về mẩu chuyện, bài thơ, cuốn sách có nội dung liên quan đến trung thu mà em đã đọc hoặc đã thấy.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm, trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc câu lệnh.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh, yêu cầu học sinh nói nội dung tranh qua các câu hỏi gợi ý: *Tranh vẽ những ai?Họ đang làm gì?*  - Giáo viên hướng dẫn học sinhxác định yêu cầu của hoạt động mở rộng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh nêu vài vật (con vật, đồ vật, cây, quả, hoa,…) ở quê em hoặc nơi em sống. | - Học sinh đọc câu lệnh *Kể gì?*  - Học sinh quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh.  - Học sinh xác định yêu cầu của hoạt động mở rộng: giới thiệu về vật, việc ở quê hoặc nơi em sống với bạn.  - Học sinh giới thiệu về vật, việc ở quê hoặc nơi em sống với bạn (nhóm, trước lớp). |
| **5. Hoạt động nối tiếp :**  - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận diện lại tiếng, từ có *im, um.*  Giáo viên dặn học sinh. | - Học sinh nhận diện lại tiếng, từ có *im, um*; nắm lại nội dung bài ở giờ tự học.  - Học sinh chuẩn bị tiết học sau: Thực hành |

***Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt lớp 1tuần 13***

**CHỦ ĐỀ 13: THĂM QUÊ**

**THỰC HÀNH (tiết 9 – Ngoài sách học sinh)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Củng cố kiến thức về các vần *am, ăm, âm; em, êm; om, ôm, ơm; im, um*.

**-** Kể đúng, đọc đúng các vần *am, ăm, âm; em, êm; om, ôm, ơm; im, um*.Nhận diện đúng các vần được học trong tiếng, từ.Đánh vần tiếng có vần mới, tập đọc nhanh tiếng có vần đã học, gia tăng tốc độ đọc trơn câu, đoạn, bài đọc ứng dụng.Nhận diện được quy tắc chính tả, chính tả phương ngữ.Hoàn thành được câu theo từ ngữ/ tranh minh hoạ đã cho.

**- Năng lực**: Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.

**- Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết (chữ); rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Một số thẻ từ, câu*;* bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành.

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở Tập viết, vở Bài tập Tiếng Việt tập 1; viết chì, bảng con, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh kể đúng, đọc đúng các vần *am, ăm, âm; em, êm; om, ôm, ơm; im, um*.Nhận diện đúng các vần được học trong tiếng, từ.Đánh vần tiếng có vần mới, tập đọc nhanh tiếng có vần đã học, gia tăng tốc độ đọc trơn câu, đoạn, bài đọc ứng dụng.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:*  - Giáo viên tổ chức trò chơi “*Hỏi nhanh, đáp nhanh*”. Giáo viênyêu cầu học sinh đọc câu, đoạn; viết từ ngữ, nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần đã học ở bài 4. |  |
| ***a. Luyện tập đánh vần, đọc trơn từ ngữ:***  - Giáo viên đọc bài: *Câu cá* (vở bài tập Tiếng Việt, tập 1, trang 44).  - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm và đánh vần các tiếng có âm chữ mới học có trong bài đọc.  - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc trơn tiếng, từ chứa vần mới được học trong tuần.  ***b. Luyện tập đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc:***  - Giáo viên đọc mẫu bài đọc: *Câu cá*.  - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thành tiếng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu nội dung bài đọc thông qua các câu hỏi gợi ý: *tên bài đọc là gì, những ai trong bài được nhắc đến?*  - Giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện bài tập nối vế câu.  - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận xét, đánh giá bài làm của mình, của bạn. | - Học sinh lắng nghe giáo viên đọc.  - Học sinh và tìm các tiếng có âm chữ mới học có trong bài đọc và đánh vần các tiếng đó*.*  - Học sinh đọc trơn tiếng, từ chứa vần mới được học trong tuần.  - Học sinh lắng nghe giáo viên đọc mẫu.  - Học sinh đọc thành tiếng bài: *Câu cá.*  - Học sinh tìm hiểu nội dung bài đọc.  - Học sinh thực hiện bài tập nối vế câu.  - Học sinh nhận xét, đánh giá bài làm của mình, của bạn. |
| **Nghỉ giữa tiết** | |
| **2. Luyện tập thực hành các vần mới :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh nhận diện được quy tắc chính tả, chính tả phương ngữ.Hoàn thành được câu theo từ ngữ/ tranh minh hoạ đã cho.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Thực hành nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát các kí hiệu dùng trong vở bài tập.  - Giáo viên yêu cầu học sinhxác định yêu cầu bài tập.  - Giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện bài tập.  - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận xét, đánh giá bài làm của mình, của bạn. | - Học sinh quan sát các kí hiệu dùng trong vở bài tập: kí hiệu nối, chọn, điền…  - Học sinh xác định yêu cầu bài tập.  - Học sinhđọc lại yêu cầu và làm bài vào vở bài tập.  - Học sinh nhận xét, đánh giá bài làm của mình, của bạn; tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả. |
| **3. Hoạt động nối tiếp :**  - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận diện lại tiếng, từ có âm chữ đã học.  Giáo viên dặn học sinh. | - Học sinh nhận diện lại các vần: *am, ăm, âm; em, êm; om, ôm, ơm; im, um.*  - Học sinh chuẩn bị: Bài *Ôn tập và kể chuyện*. |

***Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt lớp 1tuần 13***

**CHỦ ĐỀ 13: THĂM QUÊ**

**BÀI 5: Ôn tập (tiết 10-11, sách học sinh, trang 138-139)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Củng cố được các vần *am, ăm, âm; em, êm; om, ôm, ơm; im, um*.

**-** Sử dụng được các vần đã học trong tuần để ghép tiếng mới.Đánh vần thầm và gia tăng tốc độ đọc trơn bài đọc.Thực hiện đúng các bài tập chính tả.Viết đúng cụm từ ứng dụng.Luyện nói và mở rộng vốn từ về chủ đề của tuần học;mở rộng vốn từ và phát triển lời nói về chủ đề *Thăm quê*qua hoạt động mở rộng*.*

**- Năng lực**: Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.

**- Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết (chữ); rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Thẻ các vần *am, ăm, âm; em, êm; om, ôm, ơm; im, um.*Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật dùng minh hoạ kèm theo thẻ từ; bảng phụ dùng ghi các nội dung rèn đọc.

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở Tập viết, viết chì, bảng con, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn tập các vần được học trong tuần :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh Củng cố được các vần *am, ăm, âm; em, êm; om, ôm, ơm; im, um*; sử dụng được các vần đã học trong tuần để ghép tiếng mới.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm đôi.  *\* Cách tiến hành:*  - Giáo viên tổ chức trò chơi “*Nhanh như chớp*” có cài đặt một số từ ngữ có âm chữ được học và có liên quan đến chủ đề *Vui học*. Học sinh đọc, viết âm chữ được học ở bài 4; đọc từ, câu ứng dụng ở bài 4.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách, tìm đúng trang của bài học. | - Học sinh mở sách học sinh trang 138. |
| - Giáo viên giới thiệu bài Ôn tập và viết bảng.  - Giáo viên nêu mục tiêu của bài học.  - Giáo viên tổ chức dưới dạng trò chơi học tập, yêu cầu học sinh khoanh tròn các chữ trong một bảng chữ theo kiểu giải ô chữ đã được chuẩn bị trước.  - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm từ ngữ có tiếng chứa các vần *am, ăm, âm; em, êm; om, ôm, ơm; im, um*.  - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm điểm giống nhau giữa các vần *am, ăm, âm; em, êm; om, ôm, ơm; im, um.*  - Giáo viên tổ chức cho học sinh tìm thêm từ ngữ có tiếng chứa vần *am, ăm, âm; em, êm; om, ôm, ơm; im, um*qua trò chơi “*Tiếp sức cùng bạn*”.  - Giáo viên yêu cầu học sinh nói câu có từ ngữ có tiếng chứa các vần vừa được học trong tuần.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh hiểu nghĩa các tiếng vừa đọc bằng hình ảnh, động tác hoặc bằng cách đặt trong cụm từ/câu. | - Học sinh lắng nghe.  - Học sinh lắng nghe mục tiêu của bài học.  - Học sinh tham gia trò chơi khoanh tròn các chữ trong một bảng chữ các âm chữ đã được học trong tuần.  - Học sinh tìm một số từ ngữ có tiếng chứa các vần *am, ăm, âm; em, êm; om, ôm, ơm; im, um* vừa học trong tuần.  - Học sinh tìm điểm giống nhau giữa các vần *am, ăm, âm; em, êm; om, ôm, ơm; im, um: kết thúc bằng* ***m****.*  - Học sinh thực hiện trò chơi.  - Học sinh nói câu có từ ngữ có tiếng chứa các vần vừa được học trong tuần.  - Học sinh quan sát giáo viên để hiểu nghĩa các tiếng vừa đọc. |
| **Nghỉ giữa tiết** | |
| **2. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh đánh vần thầm và gia tăng tốc độ đọc trơn bài đọc.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:*  ***a. Luyện tập đánh vần, đọc trơn từ ngữ:*** |  |
| - Giáo viên đọc mẫu bài đọc*.*  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm các tiếng có âm chữ mới được học trong tuần, đánh vần các tiếng đó.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần, đọc trơn các tiếng vừa tìm được.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần vừa tìm.  ***b. Luyện tập đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc:***  - Giáo viên đọc mẫu bài đọc*.*  - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thành tiếng bài đọc.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài đọc bằng các câu hỏi gợi ý:*Bạn nhỏ về quê thăm ai?Ở quê, bạn nhỏ làm gì?Bạn nhỏ ngửi thấy mùi thơm gì? Con có thích về quê không? Vì sao?Kể với bạn một vài điều con biết về quê con?* | - Học sinh nghe giáo viên đọc mẫu.  - Học sinh tìm các tiếng có âm chữ mới được học trong tuần.  - Học sinh đánh vần, đọc trơn các tiếng vừa tìm được: *thăm, em, sum, sim, đầm, vòm, thơm, cốm, lam, êm đềm, xóm.*  - Học sinh nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần vừa tìm.  - Học sinh nghe giáo viên đọc mẫu.  - Học sinh đọc thầm (đánh vần thầm, từ có mấp máy môi đến không mấp máy môi).  - Học sinh đọc thành tiếng văn bản (tập đọc nhanh bằng mắt*,* bật ra tiếng)*.*  - Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi của giáo viên, qua đó, hiểu được nội dung bài đọc. |
| **TIẾT 2** | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Tập viết và chính tả :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh thực hiện đúng các bài tập chính tả; viết đúng cụm từ ứng dụng.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thực hành.  *\* Cách tiến hành:*  **a. Viết cụm từ ứng dụng:** |  |
| - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần, đọc trơn cụm từ ứng dụng: *về thăm quê*.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh giải nghĩa cụm từ: *về thăm quê.*  - Giáo viên treo tranh, yêu cầu học sinh nhìn tranh minh họa và đọc lại danh sách âm chữ đã học.  - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận diện từ có chứa âm chữ được học trong tuần: *thăm*.  - Giáo viên viết mẫu và phân tích hình thức chữ viết của từng từ: *về thăm quê*.  - Giáo viên lưu ý học sinh: chú ý quan sát các điểm đặt bút, điểm kết thúc; việc viết nối các chữ cái trong một tiếng, khoảng cách giữa các tiếng trong từ.  - Giáo viên yêu cầu học sinh viết cụm từ ứng dụng “*về thăm quê*” vào vở.  - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có. | - Học sinh đánh vần, đọc trơn cụm từ ứng dụng: *về thăm quê*.  - Học sinh giải nghĩa cụm từ: *về thăm quê.*  - Học sinh nhìn tranh minh họa và đọc lại danh sách âm chữ đã học.  - Học sinh nhận diện từ có chứa âm chữ được học trong tuần: *thăm*.  - Học sinh quan sát cách giáo viên viết.  - Học sinh chú ý theo hướng dẫn của giáo viên khi viết.  - Học sinh viết cụm từ ứng dụng vào vở.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có. |
| **b. Bài tập chính tả:**  - Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện bài tập chính tả vào vở bài tập.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tự kiểm tra bài làm, tự đánh giá, sửa lỗi nếu mắc lỗi. | - Học sinh thực hiện bài tập chính tả vào vở bài tập.  - Học sinh kiểm tra bài làm, tự đánh giá bài của mình (theo hướng dẫn của giáo viên), sửa lỗi nếu mắc lỗi.  - Học sinh chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài làm của mình. |
| ***Nghỉ giữa tiết*** | |
| **4. Hoạt động mở rộng :**  *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh luyện nói về chủ đề *Thăm quê.*  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm, trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên gợi ý, hướng dẫn học sinh: những cảnh đẹp ở quê, khung cảnh ở quê khác thành phố như thế nào, những gì các con thích khi về quê/ vùng quê chơi/ du lịch,…. | - Học sinh nghe giáo viên gợi ý.  - Học sinh cùng bạn hát/ đọc đồng dao, đọc thơ, hát bài hát thiếu nhi vui nhộn có nhiều tiếng có vần vừa được ôn và liên quan đến Chủ đề *Thăm quê*. |
| **5. Hoạt động nối tiếp :**  - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận diện lại tiếng/ từ chứa âm, vần chữ vừa được ôn tập.  Giáo viên dặn học sinh. | - Học sinh nhận diện lại tiếng/ từ chứa âm, vần chữ vừa được ôn tập, lưu ý thêm ở cách viết các vần *am, ăm, âm; em, êm; om, ôm, ơm; im, um*.  - Học sinh nắm lại nội dung đọc, viết ở giờ tự học. |

***Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt lớp 1tuần 13***

**CHỦ ĐỀ 13: THĂM QUÊ**

**KỂ CHUYỆN (tiết 12 – sách học sinh trang 139)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Nắm được truyện “*Lần đầu đi qua cầu khỉ*”.

**-** Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện và tranh minh hoạ. Kể từng đoạn của câu chuyện dựa vào tranh minh hoạ và câu hỏi gợi ý dưới tranh. Trả lời câu hỏi về nội dung bài học và liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân. Sử dụng âm lượng, ánh mắt, giọng nói phù hợp với từng đoạn của câu chuyện khi kể.

**- Năng lực**: Biết sử dụng âm lượng, ánh mắt, giọng nói phù hợp với từng đoạn của câu chuyện khi kể.

**- Phẩm chất**: Bồi dưỡng tình yêu quê hương.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Tranh minh hoạ truyện phóng to.

**2. Học sinh**: Sách học sinh, tìm hiểu trước về câu chuyện sẽ học, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Luyện tập nghe và nói :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện*,* tên chủ đề và tranh minh hoạ.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm đôi.  *\* Cách tiến hành:*  - Giáo viên gọi vài học sinh thực hiện các yêu cầu: Nhắc lại cách kể chuyện đã học trong tuần trước (ví dụ: sử dụng âm lượng, đánh giá nhân vật bằng hình ảnh); tên câu chuyện đã học ở tuần trước là gì? Câu chuyện kể về những ai? Em thích nhân vật/ tình tiết nào nhất? Vì sao? |  |
| - Giáo viên treo tranh minh họa truyện “*Lần đầu đi qua cầu khỉ*”.  - Giáo viên giới thiệu cách ghi nhớ trật tự diễn biến của câu chuyện dựa vào một số chỉ dẫn như số thứ tự của tranh minh hoạ, từ ngữ chỉ trật tự diễn biến có trong câu chuyện như đầu tiên, lúc đầu, ban đầu; sau đó, tiếp đến; cuối cùng, kết quả,…  - Giáo viên yêu cầu học sinh đánh vần và đọc trơn tên truyện *Lần đầu đi qua cầu khỉ*.  - Giáo viên nêu các câu hỏi kích thích phỏng đoán nội dung câu chuyện: *Theo em, câu chuyện sẽ kể về điều gì/ ai? Quan sát tranh và cho biết đâu là “cầu khỉ” và trông nó như thế nào? Theo em, cầu khỉ có dễ đi không? Nếu một người lần đầu đi cầu khỉ, họ sẽ cảm thấy như thế nào? Em nghĩ liệu có thể xảy ra chuyện gì với một người lần đầu đi qua cầu khỉ?*  - Giáo viên yêu cầu học sinh dựa vào tranh minh họa, phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện theo các câu hỏi gợi ý.  - Giáo viên dùng tên truyện và tranh minh hoạ để giới thiệu bài mới. | - Học sinh quan sát tranh.  - Học sinh lắng nghe giáo viên hướng dẫn.  - Học sinh đánh vần và đọc trơn tên truyện *Lần đầu đi qua cầu khỉ*.  - Học sinh phỏng đoán nội dung câu chuyện.  - Học sinh thảo luận cặp đôi với bạn cùng trả lời các câu hỏi và bàn về nội dung câu chuyện.  - Học sinh nghe giáo viên giới thiệu bài mới và mục tiêu bài học. |
| **Nghỉ giữa tiết** | |
| **2. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh kể từng đoạn của câu chuyện dựa vào tranh minh hoạ và câu gợi ý dưới tranh; trả lời câu hỏi về nội dung bài học và liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Kể chuyện nhóm, cá nhân.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên treo tranh và kể mẫu lần 1 toàn bộ câu chuyện.  - Giáo viên yêu cầu học sinh liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình.  - Giáo viên kể mẫu lần 2 từng đoạn câu chuyện.  - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện.  - Giáo viên sử dụng câu chủ đề đoạn dưới mỗi bức tranh để giúp học sinh ghi nhớ nội dung từng đoạn truyện.  - Giáo viên yêu cầu học sinh kể từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ (âm lượng đủ nghe trong nhóm).  - Giáo viên yêu cầu nhóm học sinh kể tiếp nối theo diễn biến câu chuyện trước lớp (với âm lượng kể trước cả lớp).  - Giáo viên nhắc học sinh tư thế, ánh mắt, cử chỉ, gương mặt khi ngồi nghe bạn kể.  - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện: *Con có thích nhân vật Nam không? Vì sao? Con thích đoạn/ chi tiết nào trong câu chuyện trên?Nói với bạn một hoạt động dã ngoại mà con đã tham gia!* | - Học sinh nghe kể đồng thời quan sát tranh.  - Học sinh tự liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình.  - Học sinh nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện.  - Học sinh quan sát và ghi nhớ nội dung từng đoạn truyện;  - Học sinh kể từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ.  - Các nhóm học sinh kể tiếp nối theo diễn biến câu chuyện trước lớp.  - Học sinh tự chú ý về tư thế, ánh mắt, cử chỉ, gương mặt khi ngồi nghe bạn kể.  - Học sinh trả lời các câu hỏi gợi ý của giáo viên để nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện (ở mức độ đơn giản). |
| **3. Hoạt động nối tiếp :**  - Giáo viên yêu cầu học sinh nhắc lại tên truyện, số lượng các nhân vật, nhân vật yêu thích.  Giáo viên dặn học sinh. | - Học sinh nhắc lại tên truyện, số lượng các nhân vật, nhân vật yêu thích.  - Học sinh đọc, kể lại truyện cho người thân cùng nghe; chuẩn bị chủ đề *Lớp em*. |

***Kế hoạch dạy học lớp 1 môn Toántiết 1 - tuần 13***

**PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10**

**PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10 (sách học sinh, trang 58-59)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

*Như tiết 2 tuần 12.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Sách Toán lớp 1; bộ thiết bị dạy toán; bảng phụ, bảng nhóm; 8 thẻ từ viết 2 bộ phép tính trong bài 4; ...

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con; …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động :** |  |
| *\* Mục tiêu:* Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc bảng cộng trong phạm vi 6. | - Học sinh thực hiện. |
| **2. Luyện tập :** |  |
| *\* Mục tiêu:*Giúp học sinh làm tốt các bài tập trong sách học sinh.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| **e. Bài 5. Làm theo mẫu:** | **e. Bài 5:** |
| *\* Lập bảng cộng trong phạm vi 7:*  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu mẫu:7 là tổng được viết ở thân xe, các kiện hàng là các phép tính có tổng bằng 7.  *\* Lập các bảng cộng trong phạm vi 8, 9, 10:*  - Giáo viên thực hiện tương tự với xe số 8, số 9 và số 10.  *\* Giới thiệu bảng cộng thu gọn trong phạm vi 7, 8, 9, 10.*  - Giáo viên giới thiệu các bảng cộng thu gọn trong phạm vi 7, 8, 9, 10.  - Lưu ý, với mỗi phép cộng đọc hai trường hợp. Ví dụ: 6 + 1; Đọc: Sáu cộng một bằng bảy Một cộng sáu bằng bảy. | - Học sinh đọc bảng tách - gộp 7, với mỗi trường hợp tách - gộp viết phép cộng tương ứng: Ví dụ: Đọc: gộp 6 và 1 được 7;  Viết: 6 + 1.  - Học sinh tiếp tục thực hiện với các phép tính còn lại.  - Học sinhđọc thành thạo các bảng cộng. |
| **g. Bài 6. Tính:** | **g. Bài 6:** |
| Thực hiện giống bài 2. | Thực hiện giống bài 2. |
| ***Nghỉ giữa tiết*** | |
| **h. Bài 7. Giúp đà điểu tìm trứng:** | **h. Bài 7:** |
| - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát hình vẽ và mô tả (chim đà điểu, trứng, số, phép tính). Xác định nhiệm vụ: Giúp đà điểu tìm trứng.  - Giáo viên hướng dẫn:Những quả trứng có tổng là 7 thì thuộc về con đà điểu mang số 7, tương tự con đà điểu mang số 10 là chủ nhân của những quả trứng có tổng là 10. | - Học sinh quan sát hình vẽ và mô tả và xác định nhiệm vụ: Giúp đà điểu tìm trứng.  - Học sinh làm bài và sửa bài: đọc chữ số trên đà điểu, đọc các phép tính trên trứng:  7 = 2 + 5 = 3 + 4 = 1 + 6  10 = 1 + 9 = 3 + 7 = 2 + 8 = 5 + 5 = 4 + 6. |
| **i. Bài 8. Xem tranh và viết phép tính:** | **i. Bài 8:** |
| - Giáo viên hướng dẫn học sinhthảo luận nhóm 4, nhận biết yêu cầu của bài.  Ví dụ:  Có 7 con chim đậu trên cành  Và 2 con chim đang bay  Có tất cả 9 con chim  7 + 2 = 9  - Lưu ý, đây là bài toán mở, giáo viên khuyến khích học sinh quan sát tranh dưới nhiều góc độ khácnhau như màu sắc, vị trí, hình dạng, kích cỡ,… | - Học sinh thảo luận nhóm 4, nhận biết yêu cầu của bài:Nêu hai câu chuyện rồi viết hai phép tính cộng thích hợp trong phạm vi 10.  Ví dụ:  Có 3 con gà trống  Và 5 con gà mái  Có tất cả 8 con gà  3 + 5 = 8 |
| **3. Vận dụng:** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh nắm lại các kiến thức trọng tâm mới học.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* ôn tập, trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên cho học sinh chơi “Ai nhanh hơn?  - Giáo viên đưa ra sơ đồ tách - gộp số chưa hoàn chỉnh, yêu cầu 1 đội nêu câu chuyện và hoàn thiện sơ đồ vào bảng con; đội còn lại nêu câu chuyện và viết phép tính thích hợp vào bảng con.  - Đội nào có tất cả học sinh làm xong trước thì thắng cuộc. | - Học sinh chia thành 2 đội để chơi. |
| **4. Hoạt động nối tiếp:** |  |
| *\* Mục tiêu:* Tạo điều kiện để phụ huynh kết nối việc học tập của học sinh ở trường và ở nhà, giúp cha mẹ hiểu thêm về con em.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Tự học.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên yêu cầu học sinhnêu câu chuyện và hoàn thiện sơ đồ tách - gộp 10cho người thân cùng nghe. | Học sinh về nhà thực hiện. |

***Kế hoạch dạy học lớp 1 môn Toán tiết 2 - tuần 13***

**PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10**

**CỘNG BẰNG CÁCH ĐẾM THÊM (sách học sinh, trang 60)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Nắm được kiến thức về phép công bằng cách đếm thêm.

**-** Thực hiện được phép cộng bằng cách đếm thêm.Hình thành thao tác đếm thêm bằng các ngón tay.Sử dụng đếm thêm để tìm “tất cả”.Sử dụng mẫu câu: “…thêm…được…” để thông báo.Thực hiện phép cộng một số với 0 và ngược lại.Làm quen với việc thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng.Quan sát tranh, nói được “câu chuyện” xảy ra phép cộng, viết phép tính liên quan.Vận dụng tính chất giao hoán của phép cộng, tính hợp lí (đếm thêm từ số lớn).

**- Năng lực chú trọng**: Tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

**- Phẩm chất**: Nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Sách Toán lớp 1; bộ thiết bị dạy toán; bảng phụ, bảng nhóm; 8 khối lập phương (2 màu: 5 + 3); ...

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con; …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động :** |  |
| *\* Mục tiêu:* Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động kết hợp kiểm tra kiến thức cũ.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên cho cả lớp thực hiện trò chơi “*Đố bạn*”. Ví dụ: 4 thêm 2; 6 thêm 3; 5 thêm 5. | - Học sinh thực hiện trò chơi. |
| **2. Khám phá:** |  |
| *\* Mục tiêu:*Giúp học sinh thực hiện được phép cộng bằng cách đếm thêm. Hình thành thao tác đếm thêm bằng các ngón tay. Sử dụng đếm thêm để tìm “tất cả”. Sử dụng mẫu câu: “…thêm…được…” để thông báo. Thực hiện phép cộng một số với 0 và ngược lại. Làm quen với việc thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng. Quan sát tranh, nói được “câu chuyện” xảy ra phép cộng, viết phép tính liên quan. Vận dụng tính chất giao hoán của phép cộng, tính hợp lí (đếm thêm từ số lớn).  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm, trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| ***Giới thiệu cách thực hiện phép cộng bằng đếm thêm:*** |  |
| - Giáo viên giúp học sinh xác định nhiệm vụ.  - Giáo viên giúp học sinh quan sát tranh, nói “câu chuyện” phù hợp phép cộng trên theo cấu trúc:Có… Thêm… Có tất cả…  - Giáo viên giải thích cách thể hiện phép tính bằng các khối lập phương trong sách học sinh.  - Giáo viên giúp học sinh viết phép tính và giải thích cách tìm kết quả.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện phép cộng bằng cách đếm thêm:  + Có 5 con kiến (lấy ra 5 khối lập phương, giáo viên gắn lên bảng lớp).  + Thêm 2 con nữa (giáo viênlấy tiếp 2 khối lập phương để cách khỏi nhóm 5 khối, dùng 2 khối khác màu).  + Có tất cả mấy con kiến?  - Giáo viên hướng dẫn cách đếm:  *\* Sử dụng khối lập phương:*  - Giáo viên chỉ vào cả thanh 5 khối lập phương xanh, chỉ lần lượt các khối lập phương đỏ.  *\* Sử dụng ngón tay:*  - Giáo viên làm mẫu (vừa nói, vừa minh hoạ bằng tay): Năm, sáu, bảy (bật từng ngón); Nói: 5 thêm 2 được 7; Viết: 5 + 2 = 7  - Giáo viên giúp học sinh nhận biết, thêm 2 thì bật 2 ngón tay. | - Học sinh hoạt động nhóm bốn, xác định nhiệm vụ: 5 + 2 = ?  - Học sinh quan sát tranh, nói “câu chuyện” phù hợp phép cộng trên theo cấu trúc: Có… Thêm… Có tất cả…  - Học sinh thể hiện phép tính bằng các khối lập phương trong sách học sinh.  - Học sinh đếm kiến, khối lập phương, dùng sơ đồ tách – gộp số,… để viết phép tính: 5 + 2 = 7 và giải thích cách tìm kết quả.  - Học sinh lấy ra 5 khối lập phương để trên bàn, thực hiện lần lượt các động tác theo hướng dẫn của giáo viên.  - Học sinh chỉ vào nhóm 5 khối và nói 5.  - Học sinh đếm 6, 7.  - Học sinh nói: 5 thêm 2 được 7.  - Học sinh quan sát.  - Học sinh nhận biết, thêm 2 thì bật 2 ngón tay, học sinh làm theo (nhiều lần).  - Học sinh thực hành đếm thêm một số trường hợp (cả lớp đưa tay). |
| ***Nghỉ giữa tiết*** | |
| ***3. Thực hành dùng cách đếm thêm để thực hiện phép cộng:*** |  |
| *a. Bài 1: Đếm thêm trên các khối lập phương:*  - Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện mẫu theo trình tự:Xác định nhiệm vụ; quan sát tranh, nói “câu chuyện” phù hợp phép tính; đếm thêm tìm kết quả.  - Giáo viên lấy ra 4 khối lập phương; lấy tiếp 2 khối lập phương để cách khỏi nhóm 4 khối gắn trên bảng lớp.  - Giáo viên đếm (kết hợp thao tác tay): Bốn,Năm, (tay gạt 1 khối vào nhóm 4 khối),Sáu (gạt tiếp 1 khối còn lại vào nhóm 5 khối).  - Giáo viên nói: 4 thêm 2 được 6.Viết: 4 + 2 = 6.      *b. Bài 2:*  - Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện mẫu theo trình tự: xác định nhiệm vụ; quan sát tranh, nói “câu chuyện” phù hợp phép tính; đếm thêm tìm kết quả.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh viết và đọc phép tính.  - Giáo viên khái quát:  8 + 2 = 10 vì 8 thêm 2 được 10  6 + 3 = 9 vì 6 thêm 3 được 9.  - Giáo viên mở rộng: nói về những điều tốt đẹp của kiến: Mạnh khoẻ (tranh thứ nhất); Siêng năng (tranh thứ hai); Giúp đỡ nhau khi hoạn nạn (tranh thứ ba). | - Học sinh xác định nhiệm vụ: 4 + 2 = ?.  - Học sinh quan sát tranh, nói “câu chuyện” phù hợp phép tính.  - Học sinh 1: đếm thêm trên khối lập phương; lấy ra 4 khối lập phương; lấy tiếp 2 khối lập phương để cách khỏi nhóm 4 khối để trên bàn; cùng đếm, nói và viết.  - Học sinh 2: dùng các ngón tay để đếm thêm ( ), viết phép tính.  - Hai học sinh so sánh kết quả; cả lớp đọc phép tính.  - Học sinh (nhóm đôi) cùng thực hành các câu của bài.  - Học sinh xác định nhiệm vụ: 4 + 2 = ?.  - Học sinh quan sát tranh, nói “câu chuyện” phù hợp phép tính.  - Học sinh đếm thêm tìm kết quả; viết và đọc phép tính; thực hành 6 + 3 = ? theo trình tự mẫu.  - Học sinhquan sát, lắng nghe. |
| **3. Vận dụng:** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh nắm lại các kiến thức trọng tâm mới học.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* ôn tập, trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh nhắc lại cách đếm thêm để thực hiện phép cộng. | **-** Học sinh nhắc lại. |
| **4. Hoạt động nối tiếp:** |  |
| *\* Mục tiêu:* Tạo điều kiện để phụ huynh kết nối việc học tập của học sinh ở trường và ở nhà, giúp cha mẹ hiểu thêm về con em.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Tự học.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| Học sinh về nhà thực hiện lại cách đếm thêm để thực hiện phép cộng cho người thân cùng xem. | - Học sinh thực hiện ở nhà. |

***Kế hoạch dạy học lớp 1 môn Toántiết 3 - tuần 13***

**PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10**

**CỘNG BẰNG CÁCH ĐẾM THÊM (sách học sinh, trang 61)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Nắm được kiến thức về phép công bằng cách đếm thêm.

**-** Thực hiện được phép cộng bằng cách đếm thêm.Hình thành thao tác đếm thêm bằng các ngón tay.Sử dụng đếm thêm để tìm “tất cả”.Sử dụng mẫu câu: “…thêm…được…” để thông báo.Thực hiện phép cộng một số với 0 và ngược lại.Làm quen với việc thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng.Quan sát tranh, nói được “câu chuyện” xảy ra phép cộng, viết phép tính liên quan.Vận dụng tính chất giao hoán của phép cộng, tính hợp lí (đếm thêm từ số lớn).

**- Năng lực chú trọng**: Tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

**- Phẩm chất**: Nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Sách Toán lớp 1; bộ thiết bị dạy toán; bảng phụ, bảng nhóm; 8 khối lập phương (2 màu: 5 + 3); ...

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con; …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động :** |  |
| *\* Mục tiêu:* Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh dùng cách đếm thêm để thực hiện phép cộng (8 + 1; 7 + 2; 6 + 4; …). | - Học sinh thực hiện. |
| **2. Luyện tập :** |  |
| *\* Mục tiêu:*Giúp học sinh làm tốt các bài tập trong sách học sinh.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| **a. Bài 1. Tính:** | **a. Bài 1:** |
| - Giáo viên hướng dẫn học sinh dùng cách đếm thêm để thực hiện phép tính.  - Giáo viên lưu ý học sinh“đếm thêm từ số lớn thì dễ hơn”. | - Học sinh làm việc theo nhóm 4: mỗi em thực hiện ba phép tính. Sau đó, các em chia sẻ với nhau.  - Học sinh nêu kết quả và cách làm. |
| **b. Bài 2. Tính theo mẫu:** | **b. Bài 2:** |
| - Giáo viên hướng dẫn mẫu.  - Giáo viêngiới thiệu một “câu chuyện” và cách tính toán thể hiện nội dung bức tranh:Có 3 bạn đang đọc sách; Thêm 2 bạn rồi lại thêm 1 bạn nữa; Tất cả có bao nhiêu bạn?  - Giáo viên mở rộng:3 + 2 + 1; Thêm 2, thêm 1 tức là thêm 3.Ta có thể tính 2 + 1 = 3; 3 + 3 = 6. | - Học sinh quan sát tranh, nêu từng “câu chuyện” phù hợp với phép tính, rồi thực hiện phép tính (3 + 2, 5 + 1).  - Học sinh nêu phép tính 3 + 2 + 1 = ? và trả lời kết quả cuối cùng 3 + 2 + 1 = 6.  - Học sinh tiếp tục thực hiện các phép tính còn lại từ trái sang phải. |
| ***Nghỉ giữa tiết*** | |
| **c. Bài 3. Nêu câu chuyện rồi thực hiện phép tính:** | **c. Bài 3:** |
| - Giáo viên hướng dẫn học sinh nêu từng câu chuyện phù hợp với phép tính, rồi thực hiện phép tính.  - Giáo viên khái quát:Một số cộng với 0 (hoặc 0 cộng với một số) thì bằng chính số đó.  - Khi sửa bài, khuyến khích học sinh nói cách tìm kết quả (theo nhận xét khái quát trên). | - Học sinhnêu từng câu chuyện phù hợp với phép tính, rồi thực hiện phép tính.  - Học sinh thực hiện các phép tính.  - Học sinh sửa bài, nói cách tìm kết quả. |
| **3. Vận dụng:** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh nắm lại các kiến thức trọng tâm mới học.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* ôn tập, trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên tổ chức trò chơi: Ai nhanh tay?  - Giáo viên đọc phép tính. | - Học sinh thực hiện và viết phép tính vào bảng con rồi nêu cách tính. Ví dụ: 6 + 2 = ?  6 + 2 = 8. |
| **4. Hoạt động nối tiếp:** |  |
| *\* Mục tiêu:* Tạo điều kiện để phụ huynh kết nối việc học tập của học sinh ở trường và ở nhà, giúp cha mẹ hiểu thêm về con em.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Tự học.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện các phép cộng (tự chọn) bằng cách đếm thêmcho người thân cùng xem. | Học sinh về nhà thực hiện. |

***Kế hoạch bài dạy lớp 1 môn Đạo đức tuần 13***

**THẬT THÀ**

**BÀI 7: KHÔNG TỰ Ý LẤY VÀ SỬ DỤNG ĐỒ DÙNG CỦA NGƯỜI KHÁC**

**(tiết 1, sách học sinh, trang 29-30)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Biết được hành vi tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác là không đúng; nêu được một số tác hại của việc tự ý lấy đồ người khác.

**-** Thực hiện và nhắc nhở bạn bè, người xung quanh cùng thực hiện không tự ý lấy đồ dùng của người khác, đây là hành vi vi phạm pháp luật.

**- Năng lực chú trọng**: Học tập và làm theo những gương sáng thật thà; tham gia các phong trào “Nói lời hay, làm việc tốt” của nhà trường, cộng đồng.

**- Phẩm chất**: Trung thực, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Sách Đạo đức; các tranh trong sách học sinh (phóng to); video clip từ các chương trình truyền hình Quà tặng cuộc sống.

**2. Học sinh**: Sách học sinh, Vở bài tập Đạo đức lớp 1, Kể chuyện Đạo đức lớp 1; …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động :** |  |
| *\* Mục tiêu:*Kích hoạt vốn kiến thức, kĩ năng đã có của học sinh, tạo tâm thế, hứng thú để chuẩn bị bước vào bài học, tiếp nhận kiến thức và kĩ năng mới.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên tổ chức cho học sinh xem video clip từ các chương trình truyền hình *Quà tặng cuộc sống*và dẫn dắt học sinh vào bài học “*Không tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác*”. | - Học sinh xem video clip. |
| **2. Hoạt động khám phá :** |  |
| ***2.1. Hoạt động 1. Xem hình và trả lời câu hỏi (9-10 phút):*** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh biết được hành vi tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác là không đúng.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trực quan, đàm thoại.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên tổ chức cho học sinh xem hình và học sinh trả lời bằng thẻ trắc nghiệm cá nhân, nêu câu trả lời vì sao.  + Hình 1: Bạn Bình nói mượn bút vẽ màu cam của bạn Minh. - Giáo viên gợi ý bằng các câu hỏi:Các bạn trong hình đang làm gì?Em thích bạn Bình hay bạn Minh? Vì sao?Sau đó giáo viên giải thích cho học sinh hiểu rằng mượn chứ không tự ý lấy đồ dùng của người khác là thể hiện sự thật thà và lịch sự.  + Với hình 2: Nga đi siêu thị với mẹ và tự ý lấy bánh ở siêu thị để ăn, các câu hỏi gợi ý có thể là:Trong hình có mấy nhân vật?Các nhân vật đang làm gì?Em thấy hành động của ai là không nên làm? Vì sao?  + Hình 3: Mẹ đang nấu ăn, Lam tự ý mở túi xách của mẹ.Việc Lam tự ý mở túi xách trong khi mẹ bận nấu ăn là không nên, lẽ ra em phải xin phép mẹ và phải được mẹ cho phép. Hơn nữa, Lam cần phụ mẹ chuẩn bị bữa ăn.  + Hình 4: Tú đưa lại đồ mà Thanh để quên. Câu hỏi gợi ý:Em nghĩ thế nào về hành động của bạn Tú?Bạn Thanh phải làm gì tiếp theo? | - Học sinh xem hình và trả lời bằng thẻ trắc nghiệm cá nhân (bông hoa *Nên - Không nên*), nêu câu trả lời vì sao *Nên làm* hoặc *Không nên làm* việc đó. |
| ***2.2. Hoạt động 2. Thảo luận*** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh thực hiện và nhắc nhở bạn bè, người xung quanh cùng thực hiện không tự ý lấy đồ dùng của người khác.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Thảo luận nhóm, trực quan, vấn đáp - gợi mở.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| *a) Bạn Loan đã làm điều gì sai? Nhờ mẹ khuyên bảo, Loan đã sửa sai như thế nào?*  - Giáo viên hướng dẫn học sinh xem nội dung trong từng hình. Giáo viên tổ chức cho 3 học sinh thể hiện tiểu phẩm.  - Giáo viên đề cao và phân tích kĩ hình 4.  *b) Vì sao không được tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác?*  - Giáo viên tổ chức cho học sinh trao đổi, thảo luận nhóm đôi và nêu ý kiến. Sau đó, giáo viên chốt ý.  - Giáo viên động viên, khích lệ những ý đúng trong các câu trả lời của học sinhđể từ đó dẫn dắt học sinh tiếp cận nội dung chính của bài học: em không được tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác; nếu em lỡ làm sai thì nên trả lại và xin lỗi; cũng cần tha lỗi cho bạn bè khi bạn lỡ sai lầm. | - Học sinh xem nội dung trong từng hình, thảo luận theo nhóm và trình bày ý kiến.  - Học sinh trao đổi, thảo luận nhóm đôi và nêu ý kiến: không được tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác vì như thế là hành động sai, không thật thà, thiếu tôn trọng bản thân và cả người khác. |
| ***2.3. Hoạt động 3. Chia sẻ*** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh biết đồng tình với việc không tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác; không đồng tình với hành vi tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trực quan, thuyết trình.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| *a) Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm nào? Vì sao?*  - Giáo viên hướng dẫn học sinh xem hình và sử dụng thẻ chọn để chia sẻ ý kiến cá nhân, nêu lí do vì sao chọn thẻ *đồng tình* hoặc *không đồng tình*.  - Qua đó, giáo viên giúp các em nhận biết được điều cơ bản: đồng tình với thái độ, hành vi không tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác; không đồng tình với hành vi tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác  *b) Khi muốn sử dụng đồ dùng của người khác, em phải làm gì?*  - Giáo viên gợi ý thêm:Khi muốn sử dụng đồ dùng của người khác, em phải làm gì?Khi được cho mượn, em sẽ sử dụng và giữ gìn đồ dùng đó như thế nào? Tại sao?Khi hỏi/xin phép mượn đồ dùng nhưng không được cho mượn, em sẽ làm gì?Khi mượn đồ và dùng xong, em sẽ làm gì? | - Học sinh xem hình và sử dụng thẻ chọn để chia sẻ ý kiến cá nhân:Hình 1: Hùng hỏi mượn xe đạp của Thắng. Hình 2: Mai trách Cường tự ý lấy sách của Mai.  - Học sinh*đồng tình* với việc làm ở hình 1, *không đồng tình* với việc làm ở hình 2.  - Học sinh nêu lí do vì sao chọn thẻ *đồng tình* hoặc *không đồng tình*.  - Học sinh trả lời các câu hỏi gợi ý của giáo viên. |

***Kế hoạch bài dạy lớp 1 môn Tự nhiên và Xã hội tiết 1 - tuần 13***

**CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG**

**BÀI 13: TẾT NGUYÊN ĐÁN (tiết 1, sách học sinh, trang 56-57)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Giới thiệu được tên gọi và thời gian diễn ra tết Nguyên đán.

**-** Kể được một số công việc của gia đình và người dân cho tết Nguyên đán.

**- Năng lực chú trọng**: Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**- Phẩm chất**: Hình thành tình cảm yêu quý cộng đồng; yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên; tham gia các công việc ở cộng đồng vừa sức với bản thân.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Sách Tự nhiên và Xã hội; tranh ảnh, đoạn phim ngắn về một số hoạt động chuẩn bị cho tết Nguyên đán và một số hoạt động diễn ra trong Tết, …

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở bài tập; tranh, ảnh về một số hoạt động diễn ra trong những ngày Tết; …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động :** |  |
| *\* Mục tiêu:* Tạo hứng thú và khơi gợi để học sinh hát được một bài hát về tết Nguyên đán.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi “Ca sĩ nhí”: Giáo viên phổ biến luật chơi: Chia lớp thành 2 đội, mỗi đội cử một thành viên lên hát một bài hát về tết Nguyên đán, các bạn còn lại sẽ làm ban giám khảo. Đội nào được nhiều bình chọn hơn, đội đó thắng cuộc.  - Giáo viên nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học. | - Học sinh tham gia trò chơi. |
| **2. Hoạt động khám phá:** |  |
| ***2.1. Hoạt động 1. Thời gian diễn ra tết Nguyên đán:*** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh giới thiệu được tên gọi và thời gian diễn ra tết Nguyên đán.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trực quan, Đàm thoại, gợi mở - vấn đáp, thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên đưa ra một vật nào đó có liên quan đến tết Nguyên đán (bánh chưng, hoa mai, hoa đào, bao lì xì,…) và hỏi học sinh một số câu hỏi gợi mở: *Trên tay cô đang cầm vật gì? Vật này gợi cho các em nhớ đến điều gì?* Từ đó, giáo viên dẫn dắt tới ngày tết Nguyên đán và yêu cầu học sinh cho biết “*Tết Nguyên đán diễn ra vào thời gian nào?*”.  - Giáo viên và học sinh cùng nhận xét và rút ra kết luận: Tết Nguyên đán (Tết cổ truyền) hàng năm thường kéo dài trong khoảng 7 đến 8 ngày cuối năm cũ và 7 ngày đầu năm mới (23 tháng Chạp đến hết ngày 7 tháng Giêng). Tết Nguyên đán là ngày đoàn viên của mọi gia đình. Ai ai cũng vui vẻ chuẩn bị đón Tết. | - Học sinh lắng nghe, quan sát và lần lượt trả lời các câu hỏi của giáo viên.  - Học sinh nhận xét và rút ra kết luận. |
| ***2.2. Hoạt động 2. Công việc chuẩn bị cho ngày Tết:*** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh biết được một số công việc của các thành viên trong gia đình và người dân chuẩn bị cho ngày Tết.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* vấn đáp, gợi mở.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| *a) Bước 1:*  - Giáo viên giới thiệu tranh vẽ trong sách học sinh trang 56, 57, dẫn dắt và yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi “*Mọi người trong các tranh sau đang làm gì để chuẩn bị đón Tết?*”.  - Giáo viên gợi mở để học sinh nêu lên tâm trạng của mọi người trong những ngày giáp Tết.  - Giáo viên tổng kết: Mỗi khi tới dịp tết Nguyên đán, mọi người thường dọn dẹp và trang trí nhà cửa để đón Tết.  *b) Bước 2:*  - Giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ theo nhóm đôi “*Kể những việc làm của gia đình em để đón tết Nguyên đán*.”.  - Giáo viên kết hợp giáo dục học sinh ý thức tham gia chuẩn bị đón Tết cùng gia đình và người dân nơi mình sinh sống. Giáo viên cho học sinh xem đoạn phim ngắn để thấy không khí của đất nước và tâm trạng người dân trong những ngày giáp Tết. | - Học sinh quan sát tranh và trả lời: Tranh 1: Mọi người trong khu phố quét dọn và trang trí nhà cửa. Tranh 2: Người dân đi chợ Tết mua sắm hoa đào, cây quất, các đồ trang trí và thực phẩm cho ngày Tết. Tranh 3: Một gia đình ở nông thôn đang gói và luộc bánh chưng.  - Học sinh nêu lên tâm trạng của mọi người trong những ngày giáp Tết: Trong những ngày giáp Tết, mọi người ai nấy đều nô nức, phấn khởi. Người dân ở miền Nam mua hoa mai, còn người dân ở miền Bắc, miền Trung sắm đào và quất. Đây cũng là một nét đặc trưng của Tết ở Việt Nam.  - Học sinh lắng nghe.  - Học sinh kể những việc làm của gia đình em để đón tết Nguyên đán.  - Học sinh quan sát, lắng nghe. |
| **3. Hoạt động tiếp nối sau bài học :** |  |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm hiểu những hoạt động thường diễn ra trong ngày tết Nguyên đán. Vẽ tranh hoặc sưu tầm ảnh về một số hoạt động diễn ra trong ngày Tết. | - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. |

***Kế hoạch bài dạy lớp 1 môn Tự nhiên và Xã hội tiết 2 - tuần 13***

**CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG**

**BÀI 13: TẾT NGUYÊN ĐÁN (tiết 2, sách học sinh, trang 58-59)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Giới thiệu được tên gọi và thời gian diễn ra tết Nguyên đán.

**-** Kể được một số công việc của gia đình và người dân cho tết Nguyên đán.

**- Năng lực chú trọng**: Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**- Phẩm chất**: Hình thành tình cảm yêu quý cộng đồng; yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên; tham gia các công việc ở cộng đồng vừa sức với bản thân.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Sách Tự nhiên và Xã hội; tranh ảnh, đoạn phim ngắn về một số hoạt động chuẩn bị cho tết Nguyên đán và một số hoạt động diễn ra trong Tết, …

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở bài tập; tranh, ảnh về một số hoạt động diễn ra trong những ngày Tết; …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động :** |  |
| *\* Mục tiêu:* Tạo hứng thú và gợi nhớ lại nội dung học của tiết học trước.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Vấn đáp.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên bật nhạc, bắt nhịp cho học sinh cùng hát bài “Ngày tết quê em” (Sáng tác: Từ Huy). Đặt câu hỏi: *Bài hát nói về điều gì? Vào ngày Tết, mọi người thường làm gì?...*  - Giáo viên dẫn dắt học sinh vào tiết 2 của bài học. | - Học sinh  cùng hát và  trả lời câu hỏi. |
| **2. Hoạt động vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:** |  |
| ***2.1. Hoạt động 1. Hoạt động vào ngày Tết:*** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh nhận biết được những hoạt động thường làm vào ngày Tết.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trực quan, Đàm thoại, gợi mở - vấn đáp, thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh trong sách học sinh trang 58 và thảo luận nhóm 4 theo các câu hỏi gợi ý: *Vào ngày Tết, mọi người thường làm gì và đi đâu? Có những trò chơi nào thường diễn ra vào dịp Tết? Mọi người gặp nhau thường nói gì?...*  - Giáo viên và học sinh cùng nhận xét và rút ra kết luận: Có nhiều hoạt động diễn ra vào dịp tết Nguyên đán. | - Học sinh quan sát tranh và trả lời:Vào ngày Tết mọi người thường cúng tổ tiên, đi xem pháo hoa, đi chúc tết người thân,… Gặp nhau trong ngày Tết, mọi người thường chúc nhau những điều may mắn,…  - Học sinh nhận xét và rút ra kết luận. |
| ***2.2. Hoạt động 2. Chia sẻ về những điều yêu thích trong dịp Tết :*** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh tự liên hệ và chia sẻ về những điều mình thích trong ngày Tết.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trực quan, Đàm thoại, gợi mở - vấn đáp, thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh kể về những việc mà bản thân và gia đình thường làm vào dịp tết Nguyên đán, từ đó tổ chức cho các em chia sẻ theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi “*Em thích nhất điều gì nhất trong dịp tết Nguyên đán? Vì sao?*”.  - Giáo viên và học sinh cùng nhận xét và rút ra kết luận: Gia đình sum họp vào ngày tết Nguyên đán. | - Học sinh kể về những việc mà bản thân và gia đình thường làm vào dịp tết Nguyên đán, chia sẻ theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi “*Em thích nhất điều gì nhất trong dịp tết Nguyên đán? Vì sao?*”.  - Học sinh nhận xét và rút ra kết luận. |
| ***3. vận dụng:*** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh kể được một số lễ hội ở địa phương và một số lễ hội khác mà các em biết trong dịp tết Nguyên đán.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trực quan, Đàm thoại, gợi mở - vấn đáp, thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh trong sách học sinh trang 59 và trả lời câu hỏi *“Trong dịp tết Nguyên đán thường diễn ra lễ hội gì?*”.  - Giáo viên mở rộng cho học sinh biết thêm một số lễ hội khác như: chọi gà, hội Lim,…  - Giáo viên yêu cầu học sinh liên hệ với thực tế địa phương mình “Kể tên và thời gian diễn ra một lễ hội ở địa phương em. Chia sẻ với bạn về những điều em thích trong lễ hội đó.”  - Giáo viên tổ chức cho các nhóm trình bày trước lớp.  - Giáo viên rút ra kết luận:Các lễ hội thường được tổ chức vào dịp Tết để chào đón năm mới. Đây cũng dịp để mọi người vui chơi, hướng về cội nguồn. | - Học sinh quan sát tranh và trả lời: Ngoài tranh vẽ mô tả hội đua thuyền và hội vật truyền thống.  - Học sinh liên hệ với thực tế địa phương mình để kể tên và thời gian diễn ra một lễ hội ở địa phương em. Chia sẻ với bạn về những điều em thích trong lễ hội đó. Học sinh làm sản phẩm theo nhóm, dán tranh ảnh các lễ hội và trình bày trước lớp.  - Học sinh tập đọc các từ khoá của bài: “Tết Nguyên Đán - Lễ hội - Sum họp”. |
| **4. Hoạt động tiếp nối sau bài học :** |  |
| - Giáo viên khuyến khích học sinh lựa chọn việc làm phù hợp để cùng gia đình chuẩn bị Tết. | - Học sinh thực hiện  theo yêu cầu của  giáo viên. |

***Kế hoạch bài dạy lớp 1 môn Hoạt động trải nghiệm - Tuần 13***

**Sinh hoạt theo chủ đề**

**CHỦ ĐỀ 4: EM TỰ CHĂM SÓC VÀ PHỤC VỤ BẢN THÂN (4 TIẾT)**

**TIẾT 1: TÌM HIỂU VIỆC TỰ CHĂM SÓC VÀ PHỤC VỤ BẢN THÂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Về năng lực:**

- Biết lựa chọn trang phục phù hợp với hoàn cảnh.

- Thực hành một số kĩ năng cơ bản như tự sắp xếp không gian riêng, chăm sóc sức khỏe.

- Thực hiện được một số việc tự chăm sóc bản thân phù hợp với lứa tuổi.

- Tập ăn uống đủ chất theo chế độ dinh dưỡng.

- Thực hiện được một số hành vi thể hiện được sự tôn trọng bạn bè.

- Thể hiện sự thân thiện khi làm việc với các bạn trong nhóm.

- Biết tham gia dọn dẹp ngăn nắp sau khi làm.

**2. Về phẩm chất:**

- Có trách nhiệm với công việc đã nhận.

- Yêu quý bản thân; tôn trọng và giúp đỡ người thân, bạn bè.

- Nỗ lực học hỏi và thực hành các kĩ năng để giúp bản thân phát triển.

- Trung thực và trách nhiệm trong tự đánh giá bản thân và đánh giá bạn bè.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Bộ trang phục (dự lễ hội, vui chơi, du lịch, …); giày, dây nịt, dây buộc tóc, lược, …; giấy trắng, giấy màu, bút chì, bút màu, bút long, …; tranh, ảnh, miếng dán, hình ảnh trang phục theo mùa, …; bài hát “Những em bé ngoan” của Phan Huỳnh Điểu; …

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở bài tập; bút chì, màu vẽ; …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: Cùng hát kết hợp bộ gõ cơ thể bài “Những em bé ngoan” :** |  |
| *\* Mục tiêu:* giúp thu hút sự quan tâm của học sinh vào bài học, khai thác những điều em đã học, đã biết trước đây, giới thiệu bài mới và tạo hứng khởi cho học sinh đối với nội dung mới.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên tổ chức cho học sinh hát bài “Những em bé ngoan” nhạc và lời của Phan Huỳnh Điểu.  - Từ bài hát này, giáo viên dẫn dắt lớp học đi vào nội dung chính: Những em bé trong bài hát được khen là “bé ngoan” vì chăm học, biết tự chăm sóc bản thân. Các em hãy học cách tự chăm sóc bản thân tốt hơn trong các hoạt động của bài học ngày hôm nay nhé! | - Học sinh cùng hát kết hợp bộ gõ cơ thể. |
| **2. Hoạt động khám phá :** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh tìm hiểu cách tựgiữ vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ bản thân.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Thảo luận nhóm, đàm thoại, vấn đáp, trực quan.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| ***a. Bạn nào trong hình trông lịch sự và đáng yêu?***  - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát các tranh trong sách học sinh và lựa chọn bạn trong tranh trông lịch sự và đáng yêu.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh soi gương trong nhóm đôi và nhận xét vẻ ngoài của bạn trong nhóm.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát và góp ý cho bạn để học sinh nhận ra ưu điểm cũng như khuyết điểm của mình, có cách sửa chữa phù hợp.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh quy trình rửa tay bằng xà phòng và hướng dẫn học sinh thực hiện đúng quy trình.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh về lợi ích của việc tự rửa tay, đánh răng qua các câu hỏi gợi ý:  + Tại sao em cần tự rửa tay, đánh răng?  + Nếu tay bẩn thì có thể bị gì? (liên hệ giáo dục việc phòng, tránh bệnh viêm đường hô hấp cấp như Covid-19 do virus Corona).  + Nếu không đánh răng kĩ thì răng miệng sẽ bị gì?  + Nếu cứ để ba mẹ làm giúp thì khi ở trường không có ba mẹ, em có thể tự làm được không?  ***b. Điều nào nên làm và điều nào không nên làm?***  - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát các tranh trong sách học sinh, mô tả và nêu ý kiến nên hay không nên làm điều nào theo 4 bức tranh.  ***c. Em nên học hỏi bạn nhỏ nào trong hình? Vì sao?***  - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát các tranh trong sách học sinh.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh chọn việc cần học tập theo bạn nhỏ trong tranh, làm thế nào em tự làm được việc đó ở nhà và mô tả lại. | - Học sinh quan sát các tranh trong sách học sinh và lựa chọn bạn trong tranh trông lịch sự và đáng yêu.  - Học sinh nhận xét vẻ ngoài của bạn trong nhóm đã chỉnh tề chưa: tóc, mặt, bàn tay, móng tay, quần áo, …  - Học sinh quan sát và góp ý cho bạn để học sinh nhận ra ưu điểm cũng như khuyết điểm của mình, có cách sửa chữa phù hợp.  - Học sinh quan sát tranh, lắng nghe cách rửa tay bằng xà phòng.  - Học sinh thảo luận và nêu lợi ích của việc tự rửa tay, đánh răng.    - Học sinh quan sát các tranh trong sách học sinh, mô tả và nêu ý kiến nên hay không nên làm điều nào theo 4 bức tranh, giải thích và nêu lí vì sao nên hay không nên làm?  - Học sinh quan sát các tranh.  - Học sinh trình bày. |
| **3. Hoạt động luyện tập :** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh thực hành tự phục vụ.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Thực hành, luyện tập, trực quan.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| ***a. Em thực hiện vệ sinh cá nhân (ở trường và ở nhà):***  - Giáo viên yêu cầu học sinh thực hành.  ***b. Em tự chỉnh đốn trang phục và sắp xếp ngăn bàn:***  - Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hành việc tự chỉnh đốn trang phục và sắp xếp ngăn bàn.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh rửa tay sau khi thực hiện; nhận xét, đánh giá về những nỗ lực của các em. | - Học sinh thực hiện sắp xếp chăn, mền, chiếu gối; thực hành tự rửa tay bằng xà phòng, đánh răng đúng quy trình.  - Học sinh thực hiện. |
| **4. Hoạt động mở rộng (5-7 phút):** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh biết cách chọn những loại thức ăn tốt cho sức khỏe của em; biết lợi ích của luyện tập thể dục thể thao; biết tác hại của việc chơi game, xem phim quá lâu trên ti-vi, điện thoại.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Thực hành, trực quan, nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| ***a. Chọn những loại thức ăn tốt cho sức khỏe của em:***  - Giáo viên đặt các câu hỏi gợi mở giúp học sinh nhận ra sự cần thiết của việc ăn uống đầy đủ và ăn đa dạng các loại thực phẩm:  + Tại sao cần ăn đa dạng các loại thức ăn?  + Em kjhông thích ăn các loại thực phẩm nào? Vì sao?  + Vì sao em phải tập ăn cả những loại thực phẩm mà em không thích?  + Vì sao cần phải ăn đủ no?  + Nếu ăn chưa no hay ăn quá no sẽ dẫn đến điều gì?  - Giáo viên trình chiếu clip về dinh dưỡng và sức khỏe.  - Giáo viên nêu tác hại của việc không tự ăn, giáo dục học sinh phải biết tự ăn, không nhờ ba mẹ hỗ trợ.  ***b. Chọn hoạt động tốt cho sức khỏe, phù hợp với bản thân:***  - Giáo viên hướng dẫn  - Giáo viên hướng dẫn học sinh nêu những lợi ích khi tập luyện các môn thể dục thể thao.  - Giáo viên giáo dục học sinh về tác hại của các trò chơi game điện tử, xem phim quá nhiều, …  ***c. Sắm vai con để nói với bố, mẹ: “Bố, mẹ cho con tự làm để con giỏi hơn!”:***  - Giáo viên hướng dẫn học sinh sắm vai theo nhóm 4, luân phiên nói “*Bố, mẹ cho con tự làm để con giỏi hơn!*”, các bạn còn lại quan sát, học hỏi, rút kinh nghiệm. | - Học sinhtrả lời các câu hỏi của giáo viên.      - Học sinhxem clips.  - Học sinh nêu những hoạt động rèn luyện sức khỏe mà các em đã từng tham gia.  - Học sinh lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - Học sinh sắm vai theo nhóm 4, luân phiên nói “*Bố, mẹ cho con tự làm để con giỏi hơn!*” |
| 5. Đánh giá : |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh tự đánh giá mình và đánh giá bạn.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Thực hành.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| Giáo viênđánh giá học sinh và hướng dẫn học sinh tự đánh giá mình, đánh giá bạn qua phiếu: | Học sinh tự đánh giá mình và đánh giá bạn qua phiếu đánh giá. |

***Kế hoạch bài dạy lớp 1 môn Hoạt động trải nghiệm - Tuần 13***

**Sinh hoạt lớp**

**CHỦ ĐỀ 4: EM TỰ CHĂM SÓC VÀ PHỤC VỤ BẢN THÂN (4 TIẾT)**

**TIẾT 1: THỰC HÀNH TỰ CHĂM SÓC VÀ PHỤC VỤ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***-*** Giúp học sinh một số công việc đơn giản để tự chăm sóc và phục vụ bản thân.

- Thực hiện làm một số công việc đơn giản để tự chăm sóc và phục vụ bản thân.

- Xây dựng bầu không khí thân thiện, vui tươi, hợp tác, yêu thương trong lớp.

- Tổ chức lớp học: Giải quyết các tình huống có thể gây cản trở cho các hoạt động của lớp; thống nhất (bổ sung thêm) các quy tắc ứng xử, nội quy làm việc, … cần thiết cho lớp.

- Kiến tạo động lực học tập, niềm hứng khởi trong học tập, động viên tinh thần học sinh: đánh giá, khích lệ thành quả đạt được của cá nhân, nhóm, lớp.

- Rèn luyện một số kĩ năng cần thiết cho học sinh trong học tập và đời sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Bản tóm tắt nội dung tổng kết lớp; danh sách sinh nhật của tuần (nếu có); ...

**2. Học sinh**: Bản tự nhận xét, đánh giá của cá nhân, nhóm, lớp; …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động :** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp tạo hưng phấn cho học sinh.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Hát.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên tổ chức cho học sinh hát bài “Những em bé ngoan” nhạc và lời của Phan Huỳnh Điểu. | - Học sinh cùng hát kết hợp bộ gõ cơ thể. |
| **2. Đánh giá tình hình của lớp :** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh tự nhận xét, đánh giá tình hình của lớp trong tuần qua.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, vấn đáp, trực quan.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên yêu cầu lớp trưởng (chủ tịch Hội đồng tự quản) lên điều khiển.  - Giáo viên khen ngợi, động viên những việc làm tốt, gương tốt mà lớp đã thực hiện, đồng thời nhắc nhở, rút kinh nghiệm đối với những bạn chưa làm tốt. | - Lớp trưởng yêu cầu từng tổ trưởng nhận xét, đánh giá và báo cáo kết quả học tập, sinh hoạt của tổ trong tuần qua.  - Lớp trưởng yêu cầu các lớp phó lên nhận xét, đánh giá tình hình học tập, lao động, kỉ luật, phong trào, … của lớp mình trong tuần qua.  - Lớp trưởng nhận xét chung kết quả học tập, rèn kuyện của lớp.  - Học sinh hưởng ứng. |
| **3. Giải pháp cho tình hình thực tế :** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh nhận ra các hành vi chưa đúng trong tuần qua và đề ra biện pháp khắc phục.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên sử dụng bộ 4 câu hỏi để giúp học sinh nhận ra các hành vi chưa đúng trong tuần qua và đề ra biện pháp khắc phục:  + Em mong muốn lớp của mình là lớp học như thế nào?  + Tuần qua, mỗi em (nhóm, lớp) đã làm gì?  + Những gì em đã làm có giúp em đạt được mong muốn như trên không?  + Em cần làm gì để có được lớp học như em mong muốn? | - Học sinh thảo luận, cho ý kiến.  - Học sinh tự nhìn nhận những việc đã qua, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, bạn bè, nhóm, lớp.  - Học sinh thảo luận, suy nghĩ và trả lời.  - Học sinh thảo luận, cùng đề ra hành động và cam kết. |
| **4. Thông tin quan trọng :** |  |
| *\* Mục tiêu:*Giáo viên thông báo, nhắc nhở những điều cần thiết, giúp học sinh chuẩn bị cho tuần sau.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Thuyết trình.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên thông báo nhắc nhở những việc làm cần chuẩn bị cho tuần sau: về học tập, phong trào Đội | - Học sinh lắng nghe, thực hiện. |
| **5. Hoạt động kết nối :** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp rèn luyện các kĩ năng, phẩm chất cần thiết cho học sinh: làm việc nhóm, hợp tác.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Thực hành.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh chia nhóm và phân công nhiệm vụ.  - Giáo viên yêu cầu học sinh làm vệ sinh lớp học. | - Mỗi nhóm 1 công việc, thực hiện tự buộc dây giày, gấp quần áo, …  - Học sinh thu dọn sạch sẽ, gọn gàng sau khi làm xong. |

***Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com***

***https://www.vnteach.com***

***Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com***

***https://www.facebook.com/groups/vnteach/***

***https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/***